

Số: 33/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 16 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến phân bổ kế hoạch vốn đầu tư trung hạn ngân sách nhà nước 2016-2020 và năm 2017;

Xét Tờ trình số 9131/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu và định hướng đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

1. Mục tiêu:

Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 nhằm góp phần cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020.

2. Định hướng đầu tư công trung hạn

a) Tập trung nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình trọng điểm, có sức lan tỏa lớn, tạo thuận lợi thu hút đầu tư tư nhân và đầu tư trực tiếp nước ngoài trong đó tập trung bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các dự án trọng điểm bức xúc đã xác định trong giai đoạn 2016-2020 gắn với việc khai thác tối đa nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác, không bố trí vốn ngân sách nhà nước vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác có khả năng đầu tư;

b) Ưu tiên vốn đầu tư nguồn từ ngân sách nhà nước cho các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, hỗ trợ về nhà ở đối với hộ người có công với cách mạng, các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Định hướng thứ tự ưu tiên:

- Tăng quyền chủ động cho các huyện, thành thị và đảm bảo đủ nguồn để bố trí cho các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 63/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh gắn với việc nâng cao trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn trong thẩm định đảm bảo đúng đối tượng, nguyên tắc, tiêu chí nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư công, giảm đầu tư dàn trải, chống thất thoát trong đầu tư;

- Cơ cấu tăng hỗ trợ đối ứng cho các dự án ODA, đặc biệt là các dự án nhóm O không được hỗ trợ đối ứng từ ngân sách Trung ương.

- Cơ cấu cho lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và dạy nghề, Khoa học - công nghệ để đảm bảo cơ cấu của Trung ương;

- Cơ cấu vốn đối ứng cho các dự án sử dụng nguồn chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia để hoàn thành các dự án đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả theo đúng quy định của Trung ương.

Điều 2. Nguồn vốn đầu tư

1. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 là 380.000 - 400.000 tỷ đồng (theo chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2016-2020). Riêng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước là 23.149,945 tỷ đồng. Trong đó:

a) Phân bổ chi tiết: 20.834,95 tỷ đồng.

b) Dự phòng chưa phân bổ (10%): 2.314,995 tỷ đồng.

2. Chi tiết theo từng nguồn vốn.

a) *Vốn ngân sách Trung ương:*

Tổng số: 10.938,145 tỷ đồng, trong đó: phân bổ chi tiết (90%) là 9.844,330 tỷ đồng, dự phòng chưa phân bổ (10%) là 1.093,815 tỷ đồng, chi tiết như sau:

Vốn trong nước: 8.796,078 tỷ đồng, trong đó: phân bổ chi tiết (90%) là 7.916,47 tỷ đồng, dự phòng chưa phân bổ (10%) là 879,608 tỷ đồng, bao gồm:

- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 2.916,159 tỷ đồng (bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 1.292,559 tỷ đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 1.623,6 tỷ đồng).

- Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/QĐ-TTg: 664,2 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư theo các chương trình mục tiêu: 4.336,111 tỷ đồng

Vốn nước ngoài: 2.142,067 tỷ đồng, trong đó phân bổ chi tiết (90%) là 1.927,86 tỷ đồng, dự phòng chưa phân bổ (10%) là 214,207 tỷ đồng;

b) Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương

Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương: số vốn được thông báo là 12.211,8 tỷ đồng, trong đó phân bổ chi tiết (90%) là 10.990,62 tỷ đồng, dự phòng chưa phân bổ (10%) là 1.221,18 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ: 6.378,12 tỷ đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: Trung ương giao 4.536 tỷ đồng, địa phương giao tăng theo dự toán tài chính 5 năm trong đó cân đối tối thiểu đầu tư các công trình trọng điểm giai đoạn 2016-2020 theo kết luận của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh là 650 tỷ đồng.

- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 97 tỷ đồng (trong đó Trung ương giao: 76,5 tỷ đồng, tỉnh giao bổ sung: 20,5 tỷ đồng).

Tổng cộng vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương đầu tư tập trung là: 7.125,12 tỷ đồng.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ

1. Việc phân bổ vốn phải nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực trong phạm vi cả tỉnh, trong từng ngành, lĩnh vực và từng địa phương đã được phê duyệt.

2. Phải tuân thủ các quy định của Luật đầu tư công, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28/8/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 7/9/2015 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2015; các văn bản của Thủ tướng Chính phủ: Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn, Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 về tăng cường các biện pháp xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển

nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 tỉnh Nghệ An và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư được thông báo và khả năng huy động nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư các dự án.

4. Việc bố trí vốn cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020 phải theo cơ cấu nguồn vốn và tổng mức đầu tư đã được quyết định tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật đầu tư công và các quy định pháp luật liên quan. Đối với các dự án chuyển tiếp, theo khả năng nguồn vốn ưu tiên bố trí theo quyết định phê duyệt đầu tư ban đầu và phần tổng mức điều chỉnh tăng do tăng giá các chế độ chính sách của nhà nước trong thời gian hợp đồng. Các dự án điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư so với quyết định đầu tư ban đầu phải thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo quy định tại Điều 38 của Luật đầu tư công để thực hiện. Không bố trí vốn cho dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư khi chưa được thẩm định nguồn theo quy định của Luật đầu tư công. Trong từng dự án chuyển tiếp và khởi công mới, thực hiện tiết kiệm 10% trên tổng mức đầu tư theo Nghị quyết số 89/NQ-CP của Chính phủ ngày 10 tháng 10 năm 2016 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2016, vì vậy, mức vốn kế hoạch bố trí cho từng dự án không vượt quá 90% tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Các dự án được khởi công từ nguồn vốn nào thì phải tiếp tục cân đối cho phần còn lại từ nguồn vốn đó (theo phương án nguồn vốn và kế hoạch đấu thầu đã được phê duyệt) theo quy định để đảm bảo cân đối chung (trừ các dự án của ngành và địa phương sau khi cân đối đủ trả nợ và bố trí công trình tiếp tục trong kế hoạch đầu tư tập trung vẫn còn nguồn). Trường hợp các dự án đã được tính bố trí vốn chuẩn bị đầu tư nhưng chủ đầu tư và các cấp huyện, xã bố trí vốn để khởi công thực hiện dự án thì chủ đầu tư và huyện, xã phải chịu trách nhiệm huy động vốn để hoàn thành dự án theo phương án vốn các chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã trình và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, nguồn vốn được phê duyệt tại chủ trương đầu tư thay đổi lại theo nguồn vốn xác định điều kiện về vốn để khởi công dự án.

6. Thứ tự ưu tiên bố trí vốn như sau:

a) Bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015 trong kế hoạch theo cơ cấu nguồn vốn đã được phê duyệt tại quyết định phê duyệt dự án, đảm bảo tỷ lệ nguồn trả nợ trên tổng nguồn đầu tư theo quy định của Trung ương. Đối với nợ đọng ngoài kế hoạch, cấp huyện, xã tự cân đối nguồn vốn ngân sách huyện, xã và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán nợ theo quy định của Luật;

b) Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn bố trí cho các dự án sử dụng nguồn ngân sách Trung ương phần vốn tinh đối ứng; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư; đối ứng phần ngân sách địa phương (tỉnh) để hoàn thành các dự án sử dụng ngân sách Trung ương; Phần vốn bố trí phải theo cơ cấu nguồn vốn đã xác định tại quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền;

c) Các dự án chuyển tiếp bố trí theo tiến độ được phê duyệt trong đó ưu tiên tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của huyện; Đối với các dự án có tổng mức đầu tư lớn, khả năng cân đối không đảm bảo thì thực hiện chọn hạng mục để đầu tư phù hợp với khả năng cân đối vốn, đảm bảo hoàn thành hạng mục đã lựa chọn trong giai đoạn 2016-2020 đưa vào khai thác có hiệu quả;

d) Chỉ được bố trí khởi công mới khi đã cơ cấu rõ nguồn vốn đầu tư mới, nguồn vốn để xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và nguồn vốn bố trí hoàn thành các dự án chuyển tiếp theo đúng tiến độ phê duyệt. Các dự án khởi công mới phải thật sự cần thiết, cấp bách và đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 54 của Luật đầu tư công và các Điều 10, 13, 27 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm. Không bố trí vốn đầu tư công cho các dự án không thực hiện trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành;

7. Đối với các địa phương (cấp huyện), các dự án được bố trí vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 phải cam kết bố trí phần vốn còn thiếu từ nguồn ngân sách huyện, xã và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành dự án đúng tiến độ. Trong trường hợp điều chỉnh tổng mức đầu tư sau khi được bố trí vốn thì địa phương phải tự cân đối vốn từ các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành dự án.

Lưu ý: Danh mục dự án và kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 bố trí cho từng dự án phải bao gồm danh mục dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch năm 2016 và danh mục dự kiến bố trí kế hoạch năm 2017. Mức vốn bố trí kế hoạch đầu tư trung hạn không được thấp hơn mức vốn đã bố trí kế hoạch năm 2016 và dự kiến bố trí kế hoạch năm 2017.

Điều 4. Phương án phân bổ

1. Nguồn Ngân sách Trung ương (chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn nước ngoài, hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/QĐ-TTg):

Khi có quyết định giao của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phân bổ chi tiết theo đúng danh mục và mức vốn được thông báo.

2. Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 5. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020

1. Đẩy nhanh việc thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm các khoản chi thường xuyên để tăng tỷ trọng cho đầu tư phát triển. Thực hiện tiết kiệm trong từng dự án theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 và Công văn số 8836/BKHĐT-TH của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Tập trung cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, tăng cường quản lý nợ công. Cải thiện cân đối ngân sách nhà nước, từng bước tăng tích lũy cho đầu tư phát triển và trả nợ vay. Hàng năm phấn đấu vượt thu (nếu có) để trả nợ bội chi ngân sách, không bố trí nội dung chi mới ngoài dự toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt. Thực hiện nghiêm nguyên tắc vay bù đắp bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên; Bội chi ngân sách nhà nước chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo đúng quy định của tại khoản 5 Điều 7 Luật ngân sách nhà nước; Thực hiện nguyên tắc vay và trả nợ vay đặc biệt là vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 63 Luật đầu tư công; khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 7 Luật ngân sách nhà nước. Định hướng cơ cấu lại các khoản vay, ưu tiên vay dài hạn để giảm áp lực trả nợ ngắn hạn và chi phí vay vốn nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay đầu tư.

3. Tăng cường kiểm soát chi ngân sách theo hướng phù hợp với khả năng thu và trả nợ, thống nhất quy trình, tập trung đầu mối kiểm soát chi. Hoàn thiện chính sách thu gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới. Tập trung các giải pháp tăng thu ngân sách như xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đẩy mạnh hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu, qua đó tạo động lực và cơ sở để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 và hàng năm phải thực hiện nghiêm quy trình, đầu mối tham mưu xây dựng, điều chỉnh và ứng trước kế hoạch vốn theo quy định.

Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm phải tuân thủ theo quy định của Luật đầu tư công và Nghị định số 77/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Chỉ được xem xét điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn từ quý 3 của năm thứ 3 kỳ kế hoạch trung hạn 2016-2020, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hàng năm từ quý 3 của năm kế hoạch theo cơ chế điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng không bổ sung danh mục ngoài nghị quyết này và thay đổi cơ cấu của

ngành và huyện theo Quyết định số 63/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp bất khả kháng cần thay đổi, Ủy ban nhân dân tỉnh phải báo cáo giải trình rõ lý do với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đồng thời báo cáo với Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp gần nhất nhưng phải tuân thủ quy trình, thủ tục và tính hiệu quả của kế hoạch.

Việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn từ nguồn cân đối ngân sách địa phương phụ thuộc vào nguồn vốn cân đối hàng năm của Trung ương thông báo, vì vậy, không thực hiện việc ứng trước vốn kế hoạch. Trong trường hợp cần thiết, chỉ được xem xét ứng trước kế hoạch đối với những dự án đã được bố trí vốn đến năm kế hoạch đạt trên 70% chỉ tiêu kế hoạch trung hạn của dự án và đã giải ngân hết chỉ tiêu năm kế hoạch để góp phần hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm. Mức vốn ứng trước của từng dự án không vượt quá mức vốn bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và phải đảm bảo có nguồn thanh toán các khoản vốn ứng trước. Quy trình tham mưu và quyết định ứng vốn phải tuân thủ quy định của Luật đầu tư công, phải báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp gần nhất.

Việc sử dụng nguồn vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn phải được quản lý chặt chẽ. Khoản vốn dự phòng chung chưa phân bổ chỉ được sử dụng cho các mục tiêu thật sự cần thiết, bất khả kháng, cấp bách theo quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước, cơ quan chuyên môn tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và phải báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, trước khi thực hiện.

Thời điểm sử dụng vốn dự phòng, ứng trước kế hoạch vốn thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Bố trí phân vốn ngân sách nhà nước và tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng theo hình thức đối tác công tư (PPP). Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa đối với các dịch vụ công trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình, dự án cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân ở nông thôn.

6. Các ngành, các cấp chịu trách nhiệm trong việc quyết định chủ trương đầu tư, bảo đảm chất lượng lập báo cáo đề xuất, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án nhằm khắc phục triệt để tình trạng chuẩn bị dự án sơ sài, không bảo đảm theo quy định của pháp luật, quyết định chủ trương đầu tư dàn trải, không hiệu quả, phê duyệt tổng mức đầu tư thiếu chính xác; chỉ quyết định chủ trương đầu tư những dự án thật sự cần thiết khi đã thẩm định, làm rõ hiệu quả của dự án, nguồn vốn, khả năng cân đối, bố trí vốn cho từng dự án, bảo đảm dự án được phê duyệt có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện hoàn thành dự án.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc huy động, quản lý, sử dụng vốn vay; xử lý nghiêm cá nhân, tập thể vi phạm pháp

luật về đầu tư công đã được Quốc hội, Chính phủ và các cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Căn cứ vào Nghị quyết và danh mục, chỉ tiêu vốn đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua để giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn kịp thời cho các đơn vị;

b) Danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 là căn cứ để bố trí kế hoạch hằng năm trong giai đoạn 2016-2020;

c) Tổ chức thực hiện và chỉ đạo các sở, ban, ngành, các huyện, thành, thị triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Kinh tế và Ngân sách, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

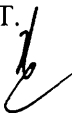
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh giám sát và động viên mọi tầng lớp Nhân dân thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

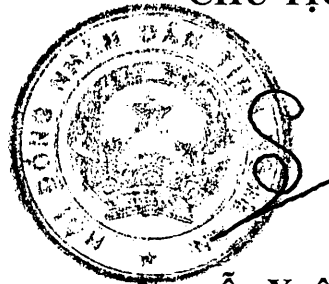
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày được thông qua. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Sơn



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
	Tổng cộng		7,125,120	1,307,800	1,180,800	
	Chuẩn bị đầu tư		70,000	20,000	7,312	
	Thực hiện dự án		7,055,120	1,287,800	1,173,488	
A	NÔNG NGHIỆP		912,315	180,728	163,233	
	Huyện trực tiếp quản lý		779,715	163,128	143,133	
a	Công trình trả nợ		91,158	45,952	26,736	
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Môn, xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn.	UBND huyện Anh Sơn.	1,350	1,000	350	Kết thúc 2017
2	Xây dựng hồ chứa nước Khe Xài, xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Bình Sơn	1,500	1,500		Kết thúc 2016
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Khuê và Khe Mương, xã Đức Sơn, huyện Anh Sơn.	UBND xã Đức Sơn	4,300	2,000	2,300	Kết thúc 2017
4	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Khe Ngọn, xã Lạng Khê huyện Con Cuông.	UBND huyện Con Cuông tỉnh Nghệ An	500	500		Kết thúc 2016
5	Sửa chữa, nâng cấp kênh N-831 và xây dựng mới kênh T6, xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu.	UBND xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu.	3,000	1,300	1,700	Kết thúc 2017
6	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Sông Mới, xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu.	Ủy ban nhân dân huyện Diễn Châu	2,950	2,000	950	Kết thúc 2017
7	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm số 1, số 2 xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	2,800	1,500	1,300	Kết thúc 2017
8	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Bến Lắm, Cầu Mý và Cồn Sim, xã Diễn An, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	5,200	2,000	2,000	Kết thúc trung hạn
9	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Bàn, xã Bài Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	4,100	1,304	2,796	Kết thúc 2017
10	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm xã Hưng Phú, huyện Hưng Nguyên;	UBND xã Hưng Phú, huyện Hưng Nguyên	800	800		Kết thúc 2016
11	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Nhà Trầu và Trạm bơm Đồng Mai xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên	UBND xã Hưng Mỹ	2,500	2,500		Kết thúc 2016
12	Nâng cấp Trạm bơm xóm 04, xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên.	UBND xã Hưng Khánh	585	585		Kết thúc 2016
13	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tiêu T8, xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên	UBND xã Hưng Tân	2,500	1,000	1,500	Kết thúc 2017
14	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng bản Xốp Nhị, xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn.	UBND huyện Kỳ Sơn.	747	747		Kết thúc 2016
15	Đường giao thông từ trung tâm xã Keng Đu đi bản Khe Linh thuộc dự án xây dựng làng định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại bản Khe Linh xã Keng Đu huyện Kỳ Sơn tỉnh Nghệ An	UBND huyện Kỳ Sơn	4,300	4,300		Kết thúc 2016
16	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Rú Tuần, xã Nam Tân, huyện Nam Đàn	UBND xã Nam Tân, huyện Nam Đàn	1,650	1,000	650	Kết thúc 2017
17	Sửa chữa, nâng cấp công trình hồ chứa nước Giếng Chui xã Nghĩa Khánh huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	580	580		Kết thúc 2016
18	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Rộc U, xã Nghĩa Thắng, huyện Nghĩa Đàn.	UBND huyện Nghĩa Đàn.	2,500	1,000	1,500	Kết thúc 2017
19	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cây Chanh, xã Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn.	7,000	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
20	Xây dựng trạm bơm Xã Đoài, xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc	Ủy ban nhân dân xã Nghi Diên.	790	790		Kết thúc 2016
21	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đường Trẽ xã Nghi Kiều huyện Nghi Lộc.	UBND huyện Nghi Lộc	368	368		Kết thúc 2016
22	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bàu Com, xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc.	UBND huyện Nghi Lộc.	1,600	1,600		Kết thúc 2016
23	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Ban, xã Đồng Hợp, huyện Quỳnh Hợp.	UBND huyện Quỳnh Hợp.	2,700	2,000	700	Kết thúc 2017
24	Kiên cố kênh chính và kênh Nam hồ bà Tuyền xã Quỳnh Tân huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Tân	502	502		Kết thúc 2016
25	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Sâu, xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu.	UBND huyện Quỳnh Lưu.	5,300	1,900	1,900	Kết thúc giai đoạn
26	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm xóm 8, xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương.	UBND xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương	2,100	1,000	1,100	Kết thúc 2017
27	SC, NC đập La Ván, xã Thanh Hòa, huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Hoà	1,750	1,500	250	Kết thúc 2017;
28	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Hòa Mỹ, xã Thanh Mỹ, huyện Thanh Chương.	UBND huyện Thanh Chương	3,900	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
29	Xây dựng khu tái định cư để di dân khẩn cấp ra khỏi vùng có nguy cơ lũ quét và đặc biệt khó khăn xã Nhôn Mai, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	1,500	900	100	Kết thúc giai đoạn
30	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cây Sung xã Nghĩa Thuận Thị xã Thái Hoà	UBND thị xã Thái Hoà	1,400	500	900	Kết thúc 2017
31	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Sắn xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	2,970	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
32	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Hồng Sơn, xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ.	UBND xã Tân Hợp	3,100	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
33	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hồ Dừa, xã Minh Thành, huyện Yên Thành.	UBND huyện Yên Thành	3,400	1,700	1,000	Kết thúc giai đoạn
34	SC, NC hồ chứa Khe Bai, xã Mã Thành, Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	1,370	1,100	270	Kết thúc 2017
35	SC, NC hồ chứa nước 3/2, xã Đồng Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	1,476	976	500	Kết thúc 2017
36	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Châm Báy, xã Tiên Phong, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	5,600			Kết thúc giai đoạn
37	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Chuối, xã Tây Thành, huyện Yên Thành.	UBND huyện Yên Thành.	2,470	1,500	970	Kết thúc 2017
b	Công trình chuyển tiếp		609,757	117,176	116,397	
1	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Khe Tran và hệ thống kênh tưới, xã Hoa Sơn, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	6,200	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
2	Sửa chữa, Nâng cấp Trạm bơm xã Tào Sơn , huyện Anh Sơn.	UBND huyện Anh Sơn	4,400	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
3	Sửa chữa, nâng cấp đập tràn Khe Sừng, xã Hoa Sơn, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	9,000	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
4	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cây Lim, xã Cẩm Sơn, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	700			Kết thúc giai đoạn;
5	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Hiêng, xã Châu Khê, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	5,000	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
6	Xây dựng Hệ thống điện phục vụ bơm nước tưới cho khu vực trồng cam tại xã Yên Khê, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	8,800	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
7	Xây dựng đập dâng Phai Hịa, xã Lục Dạ, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	7,400	2,500	2,500	Kết thúc giai đoạn
8	Xây dựng đập dâng nước bản Bạch Sơn, xã Cam Lâm, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	2,300	1,153	1,147	Kết thúc 2017
9	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Ao Bù, xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu	UBND xã Diễn Thọ	5,000	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
10	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Ngọc Thành, xã Diển Minh, huyện Diển Châu	UBND xã Diển Minh	5,000	1,800	1,000	
11	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Bàu, xã Diển Phú, huyện Diển Châu	UBND huyện Diển Châu	4,700	1,800	1,800	Kết thúc giai đoạn
12	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm số 02, xã Diển Tháp, huyện Diển Châu.	UBND xã Diển Tháp	6,700	1,100	1,100	Kết thúc giai đoạn
13	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến kênh vùng muối Vạn Nam, xã Diển Vạn, huyện Diển Châu	UBND huyện Diển Châu	12,000	2,500	2,000	Kết thúc giai đoạn
14	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt xã Diển Minh, huyện Diển Châu.	UBND xã Diển Minh	5,600	2,000	2,000	Kết thúc giai đoạn
15	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bàu Gáo và Khe Rọ, xã Diển Lâm, huyện Diển Châu.	UBND huyện Diển Châu	11,000	2,000	2,000	
16	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Cầu và Trạm bơm 3/2 xã Diển Tân, huyện Diển Châu	UBND huyện Diển Châu	10,000			
17	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Chợ Ràn, xã Đại Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	300	300		Kết thúc 2016
18	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Trọt Lụy, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	2,650	1,200	1,450	Kết thúc 2017
19	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Và, xã Thuận Sơn, huyện Đô Lương.	UBND huyện Đô Lương	2,700	1,200	1,500	Kết thúc 2017
20	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng và trạm bơm Phú Cường, xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	5,000	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
21	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Động Trịch, xã Bắc Sơn, huyện Đô Lương.	UBND xã Bắc Sơn	7,900	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
22	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tiêu úng phía bờ Tả kênh chính hệ thống thủy lợi Bắc, huyện Đô lương	UBND huyện Đô Lương	1,000	1,000		Kết thúc 2016
23	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bàu Nại, xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương.	UBND huyện Đô Lương.	8,000	2,000	2,000	
24	Sửa chữa, nâng cấp kênh tiêu liên xã từ Cầu Tiên (Thị Trấn) đến Rào Gang (xã Nhân Sơn), huyện Đô Lương.	UBND huyện Đô Lương	8,000	2,000	2,000	
25	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Tích Tích, xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	8,000	2,000	2,000	
26	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	8,400	500	1,000	Kết thúc giai đoạn
27	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Chợ Mái, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	5,000	1,000	1,000	
28	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh tưới xã Tân Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	5,780	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
29	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Cày, xã Lam Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	4,400		1,000	Kết thúc giai đoạn
30	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Vũng Tròn, xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	5,000			
31	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Quán Đôn, xã Đại Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	8,000			
32	Xây dựng trạm bơm Cồn Rời xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương	UBND xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương	2,000		1,000	Kết thúc giai đoạn
33	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh N24, xã Hưng Yên Bắc, huyện Hưng Nguyên	UBND xã Hưng Yên Bắc	5,500	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
34	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống đê kênh Thấp, huyện Hưng Nguyên (Hạng mục: Xây dựng cầu Đền bắc qua kênh Thấp, huyện Hưng Nguyên)	UBND huyện Hưng Nguyên	28,000	4,000	4,000	Kết thúc giai đoạn
35	Hệ thống cấp nước xã Hưng Thông	UBND huyện Hưng Nguyên	4,000		1,000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
36	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Lò Ngói, xã Nam Thái, huyện Nam Đàn.	UBND xã Nam Thái, huyện Nam Đàn.	3,500	1,800	1,700	Kết thúc 2017
37	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Ba Côn, xã Vân Diên, huyện Nam Đàn	UBND xã Vân Diên	7,600	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
38	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Đình, xã Nam Xuân, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	7,132	2,000	2,000	Kết thúc giai đoạn
39	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Hàn, xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	10,900	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
40	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh tưới xã Kim Liên, huyện Nam Đàn.	UBND xã Kim Liên.	525	525		Kết thúc 2016
41	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Ngã Hai, xã Nghĩa Thắng, huyện Nghĩa Đàn.	UBND huyện Nghĩa Đàn	2,000	2,000		Kết thúc 2016
42	Xây dựng trạm bơm xóm Hồng Đức, xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn;	UBND huyện Nghĩa Đàn	1,900	1,000	900	Kết thúc 2017
43	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Khe Yêu, xã Nghĩa Lâm, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn.	3,100	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
44	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tiêu xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	14,000	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
45	Xây dựng trạm bơm Ba Cây, xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc.	UBND xã Nghi Lâm.	3,500	1,300	1,300	Kết thúc giai đoạn
46	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Cồn Trường, xã Nghi Công Nam, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Công Nam	3,300	1,300	1,300	Kết thúc giai đoạn
47	Nâng cấp hệ thống kênh tưới xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	3,000	1,400	1,600	Kết thúc 2017
48	Xây dựng trạm bơm số 02, xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc.	UBND xã Nghi Thái	7,000	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
49	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Trường Xuân, xã Nghi Mỹ, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Mỹ	10,300	1,400	1,400	Kết thúc giai đoạn
50	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh mương loại III của các hồ đập và trạm bơm huyện Nghi lộc	UBND huyện Nghi Lộc	26,800	2,500	2,500	Kết thúc giai đoạn
51	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh tiêu nội đồng xã Nghi Khánh, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Khánh	2,700	1,500	1,200	Kết thúc 2017
52	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bầu Gà, xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Văn	10,000			Kết thúc giai đoạn
53	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Bai, xã Yên Hợp, huyện Quỳnh Hợp.	UBND huyện Quỳnh Hợp.	2,850	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
54	Xây dựng hồ chứa nước Bàn Khùa, xã Châu Lý, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	2,500	2,500		Kết thúc 2016
55	Xây dựng kè tuyến đê và kè bờ Tả suối Nậm Tôn, đoạn qua thị trấn Quỳnh Hợp và xã Châu Quang; Kè bờ Tả sông Dinh, đoạn qua xã Tam Hợp, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	9,000	1,000	1,000	
56	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cây Dừa, xã Đồng Hợp, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	3,300	1,500	1,800	Kết thúc 2017
57	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Thùng Dạ xã Quỳnh Thắng, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	4,200	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
58	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước bản Bắc Thắng, xã Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu.	UBND huyện Quỳnh Lưu.	3,200	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
59	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Mây, xã Quỳnh Tân, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	9,800	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
60	Xây dựng Trạm bơm Cồn Ngang và Trạm bơm kênh N17, xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu	8,100	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
61	Nâng cấp hệ thống kênh tiêu Dâu, huyện Quỳnh Lưu.	UBND huyện Quỳnh Lưu.	6,800	2,000	2,000	Kết thúc giai đoạn
62	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hồ Trung, xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu.	UBND huyện Quỳnh Lưu.	9,800	2,500	2,500	Kết thúc giai đoạn

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
63	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tiêu úng liên xã Quỳnh Giang - Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	8,600	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
64	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đông Hồng, xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Tam	8,390	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
65	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng bản Tín Pú, xã Quang Phong, huyện Quế Phong.	UBND huyện Quế Phong.	9,300	2,374	2,300	Kết thúc giai đoạn
66	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Cồn Tra, xã Thanh Lương, huyện Thanh Chương.	UBND xã Thanh Lương	4,300	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
67	Xây dựng hồ chứa nước Khe Su, xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương.	UBND huyện Thanh Chương	2,780	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
68	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tưới, tiêu Bàu Đức Nhuận xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Liên	11,300	2,000	2,000	Kết thúc giai đoạn
69	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Đò Gành, xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương.	UBND huyện Thanh Chương	3,000	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
70	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Trảng Hàn, xã Thanh Phong, huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Phong	5,900		2,000	Kết thúc giai đoạn
71	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Nghĩa Hưng, xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa.	UBND thị xã Thái Hòa	1,300	1,300		Kết thúc 2016
72	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồi Thịnh, xã Đông Hiếu, Thị xã Thái Hòa.	UBND thị xã Thái Hòa	4,400	2,000	2,400	Kết thúc 2017
73	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Thống Nhất, xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa.	UBND thị xã Thái Hòa	9,300	1,200	1,200	Kết thúc giai đoạn
74	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Thung Mét, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	6,700	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
75	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước khe Ngang, xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	7,200	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
76	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bãi Quyền, xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ.	UBND huyện Tân Kỳ	10,800	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
77	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Khe Lá, xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	9,200	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
78	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Lợi, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	10,400	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
79	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Trung Lương, xã Tân Xuân, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	500			
80	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Hóc Choạc, xã Tiến Thành, huyện Yên Thành.	UBND xã Tiến Thành, huyện Yên Thành	2,600	2,000	600	Kết thúc 2017
81	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Ký Rượu, xã Tăng Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	4,100	1,400	1,400	Kết thúc giai đoạn
82	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cây Tàng, xã Sơn Thành, huyện Yên Thành.	UBND xã Sơn Thành	19,200	1,200	1,200	Kết thúc giai đoạn
83	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Trại Xanh, xã Bắc Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	7,900	2,024	2,000	Kết thúc giai đoạn
84	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Lim, xã Đồng Thành, huyện Yên Thành.	UBND huyện Yên Thành	9,750	1,400	1,400	Kết thúc giai đoạn
85	Nâng cấp hệ thống tiêu thoát lũ sông Bàu Chèn - Trung Long, đoạn từ xã Công Thành đến xã Long Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	15,000	1,000	1,000	
86	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đập Bàu, xã Tăng Thành, huyện Yên Thành.	UBND huyện Yên Thành	5,200	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
87	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Đồng Giữa và trạm bơm Thô Lô, xã Lăng Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	5,000	2,000	2,000	
88	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Nốc, xã Sơn Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	5,000			
89	Xây dựng đập Na Cây, xã Chi Khê, huyện Con Cuông	UBND xã Chi Khê	4,200	1,500	2,500	Kết thúc giai đoạn

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
90	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bãi Bằng, xã Thanh Thịnh, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	12,000	2,000	2,000	Kết thúc giai đoạn
91	Sửa chữa, nâng cấp đập Bi, xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	1,200		1,200	Kết thúc giai đoạn
92	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt xã Liên Thành, huyện Yên Thành.	UBND xã Liên Thành, huyện Yên Thành	5,000		1,000	
c	Công trình khởi công mới 2016		20,000			
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn để phát triển sản xuất các vùng nguyên liệu ở huyện Anh Sơn tỉnh Nghệ An	UBND huyện Anh Sơn	20,000			Đối ứng Chương trình Chính phủ, Kết thúc giai đoạn
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		58,800			
1	Xây dựng đập dâng Khe Phì, xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông	UBND xã Thạch Ngàn	6,500			Kết thúc giai đoạn
2	Sửa chữa, nâng cấp Trạm bơm Rú Cụp, xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn	UBND xã Nam Lĩnh	6,300			Kết thúc giai đoạn
3	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Huồi Púng, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	10,000			
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tiêu T4 thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên	UBND thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên	10,000			Kết thúc giai đoạn
5	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tưới, tiêu Bàu Ganh, xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	20,000			
6	Xây dựng hồ chứa nước Bán Chiềng xã Châu tiến, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	6,000			
	Ngành quản lý trên địa bàn		132,600	17,600	20,100	
a	Công trình trả nợ		10,000	4,000	5,400	
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đình Dù xã Diễn Lâm huyện Diễn Châu	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Nghệ An	1,600	500	500	Kết thúc giai đoạn
2	Nhà làm việc liên cơ quan: Trạm BVTV-Trạm Thú y - Trạm Khuyến nông, Khuyến ngư, huyện Nghĩa Đàn	Chi cục Bảo vệ Thực vật Nghệ An	500	500		
3	Đường giao thông nông thôn từ đường cửa khẩu Thanh Thủy vào đội sản xuất 02 (Đội Đượm) Tổng đội TNXP5-XDKT Nghệ An	Tổng đội TNXP5-XDKT Nghệ An	6,900	3,000	3,900	Kết thúc 2017
4	Đường từ Ngã ba dốc Đồng Minh đi khoảng 12, dốc Công Trời thuộc dự án: Khu kinh tế TNXP vùng Thung Voi, huyện Quỳnh Hợp	Tổng đội TNXP3-XDKT Nghệ AN	1,000		1,000	Kết thúc 2017
b	Công trình chuyển tiếp		95,600	13,600	14,700	
1	Nhà làm việc Trạm khuyến nông huyện Anh Sơn	Trung tâm khuyến nông tỉnh Nghệ An	1,400	1,000		Kết thúc giai đoạn
2	Sửa chữa, nâng cấp kênh chính hồ Bàu Gia - Mã Tổ.	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Nghệ An	1,500	1,000	500	Kết thúc 2017
3	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Xiêm, xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc.	Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thủy lợi Nam Nghệ An.	6,500	1,500	3,000	Kết thúc giai đoạn
4	Nhà làm việc Trạm khuyến nông huyện Con Cuông	Trung tâm khuyến nông tỉnh Nghệ An	2,400	1,000		Kết thúc giai đoạn
5	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Quánh, xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	Sở Nông nghiệp và PTNT	9,000	2,000	1,500	
6	Dự án làng thanh niên lập nghiệp biên giới Tam Hợp tỉnh Nghệ An	Ban Thường Vụ Tỉnh đoàn Nghệ An	3,000	1,500	1,000	Kết thúc giai đoạn

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
7	Đường giao thông vào vùng nguyên liệu chè của Xí nghiệp chế biến dịch vụ chè Hạnh Lâm, huyện Thanh Chương	Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển chè Nghệ An	15,000	2,000	3,000	Kết thúc giai đoạn
8	Xây dựng đập thủy lợi Bán Nhã, xã Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp	Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy lợi Quỳnh Hợp (nay là Công ty TNHH 1TV Thủy lợi Tây Bắc Nghệ An)	6,000	1,000	1,500	Kết thúc giai đoạn
9	Đường giao thông từ xã Tân Thắng đi tổng đội TNXP - XDKT Quỳnh Lưu (Đường nội vùng nguyên liệu dứa, mía).	Tổng đội TNXP - XDKT Quỳnh Lưu	6,000	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
10	Nâng cấp đường giao thông nguyên liệu chè tại Xí nghiệp chế biến dịch vụ chè Ngọc Lâm	Công ty TNHH một thành viên ĐTPT chè Nghệ An	10,000	1,600	2,000	
11	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Trung tâm Khuyến nông, Khuyến ngư Nghệ An	Trung tâm Khuyến nông, Khuyến ngư Nghệ An	1,200		1,200	Kết thúc 2017
12	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước trúc đồng, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn	Công ty trách nhiệm hữu hạn thủy lợi Phú Quỳnh	7,500			Kết thúc giai đoạn
13	Nạo vét, tu sửa tuyến kênh khe Cái và nâng cấp, cải tạo trạm bơm Hà Thanh, trạm bơm 18 huyện Nghi Lộc	Công ty TNHH một thành viên thủy lợi Nam Nghệ An	20,000			
14	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc, nhà đón tiếp khách, nhà ở cán bộ nhân viên, nhà ăn và hệ thống điện, nước sinh hoạt của Vườn quốc gia Pù Mát	Vườn quốc gia Pù Mát	6,100			Kết thúc giai đoạn
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		27,000			
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Cửa Ông, xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn	Công ty TNHH Thủy lợi Nam	27,000			
B	GIAO THÔNG VẬN TẢI		2,622,316	523,004	484,418	
	Huyện trực tiếp quản lý		1,033,209	161,504	148,818	
a	Công trình trả nợ		48,050	19,354	12,170	
1	Đường vào TT hành chính xã Hội Sơn	UBND huyện Anh Sơn	3,000		1,500	Đổi ứng Chương trình Chính phủ; Kết thúc giai đoạn
2	Đường giao thông liên các xã Nam Sơn - Bắc Sơn - Đặng Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	2,100	1,000	1,100	Kết thúc 2017
3	Đường GTNT xã Nhân Sơn, Đô Lương	UBND xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương	350	350		Kết thúc 2016
4	Đường giao thông nối Làng Sen xã Kim Liên với làng Đan Nhiệm xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	2,280	2,280		Kết thúc 2016
5	Hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	900	900		Kết thúc 2016
6	Đường GT xóm 4, xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	378	378		Kết thúc 2016
7	Đường giao thông từ QL 1A cầu Cẩm đi Nghi Hưng, Nghi Phương, Nghi Đồng	UBND huyện Nghi Lộc	2,800		2,800	Kết thúc 2017
8	Đường nối từ Km 70-QL 48 đi bán Độ 3, xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	2,933	2,933		Kết thúc 2016
9	Đường GTNT liên xã Minh Hợp - Văn Lợi, huyện Quỳnh Hợp đoạn qua xóm Minh Long, xã Minh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	1,500	1,500		Kết thúc 2016

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
10	Cầu Nguyễn Văn Trỗi, xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	383	383		Kết thúc 2016
11	Cầu Khe Độc, xã Quỳnh Thắng, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	2,300	1,000	1,300	Kết thúc 2017
12	Cầu Khe Sỏ, xã Nghĩa Bình, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	990	990		Kết thúc 2016
13	Đường giao thông nội vùng xã Nghĩa Đông, huyện Tân Kỳ	UBND xã Nghĩa Đông, huyện Tân Kỳ	2,600	1,000	1,600	Kết thúc 2017
14	Đường dẫn vào cầu treo Đò Rô, xã Nghĩa Đông, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	3,370	2,500	870	Kết thúc 2017
15	Đường vào TT xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	15,000	2,000	2,000	
16	Đường eo Lèn, xã Nghĩa Hoàn đi xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	3,000		1,000	Kết thúc giai đoạn
17	Cầu K38 trên đường 205 liên huyện Diễn - Yên - Quỳnh	UBND huyện Yên Thành	1,800	1,800		Kết thúc 2016
18	Đường giao thông vùng nguyên liệu mía, dứa xã Tân Thành (huyện Yên Thành) đi xã Diễn Lâm (huyện Diễn Châu)	UBND xã Tân Thành, huyện Yên Thành	340	340		Kết thúc 2016
19	Đường GTNT từ trạm y tế đi qua nhà máy nước đến chợ Cuối, xã Thọ Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Thọ Thành, huyện Yên Thành	733			Kết thúc giai đoạn
20	Đường giao thông vào vùng nguyên liệu sản, dứa từ Sơn Thành đi Mỹ Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	599			Kết thúc giai đoạn
21	Đường liên huyện từ Đức Thành, huyện Yên Thành đến đường 48 xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu	UBND huyện Yên Thành	694			Kết thúc giai đoạn
b	Công trình chuyển tiếp		809,659	142,150	132,773	
1	Đường chống ngập lụt từ khối Hoa Hải thị trấn Tân Lạc đến các bản Kê Ninh, Pà cọ xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	10,000		2,000	Kết thúc giai đoạn
2	Đường Nhân Tài - Giá Giang	UBND huyện Anh Sơn	4,875	2,000		Kết thúc giai đoạn
3	Đường vào TT xã Châu Khê, huyện Con Cuông (bố trí giai đoạn 1)	UBND huyện Con Cuông	32,548	2,000	3,806	Kết thúc giai đoạn (hạng mục đoạn Km 6-Km 12 +76)
4	Đường giao thông từ QL 7A vào bệnh viện vùng Tây Nam, huyện Con Cuông (GĐ1)	UBND huyện Con Cuông	16,441	3,000	2,000	Kết thúc giai đoạn
5	Đường GT từ QL7A đến khu dân cư cao tầng, trung tâm đô thị Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	5,000			Đối ứng Chương trình Chính phủ
6	Đường vào Trung tâm xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu	UBND xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu	4,360	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
7	Đường 205 đoạn từ QL 7A đến xã Diễn Tháp	UBND huyện Diễn Châu	16,000	7,000	4,000	
8	Nâng cấp đường giao thông tuyến Nhân Thành - Chợ Chùa - QL 1A	UBND huyện Diễn Châu	16,000	5,000	4,000	
9	Đường trục Trung tâm thương mại Bắc Nam đô thị Diễn Châu mở rộng (tuyến 1)	UBND huyện Diễn Châu	15,000	5,000	4,000	Phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 (nền mặt đường và công trình trên tuyến)

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
10	Đường giao thông chống ngập úng nối các xã Diên Thịnh, Diên Lộc, Diên Thọ và Diên Lợi, huyện Diên Châu	UBND huyện Diên Châu	30,000	5,000	5,000	Phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 (nền mặt đường và công trình trên tuyến trừ cầu đồ km 2+066,24)
11	Đường giao thông Nhân Sơn- Đại Sơn huyện Đô Lương (hạng mục cầu và nền đường với dự toán 18447 tỷ đồng)	UBND huyện Đô Lương	13,500	2,500	2,500	
12	Đường giao thông từ Quang Sơn - Nhân Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	5,000	2,000	2,000	
13	Đường GT liên xã Mỹ Sơn - Hiến Sơn đến khu di tích lịch sử Trương Bồn, huyện Đô lương	UBND huyện Đô Lương	15,000	2,000	2,000	
14	Đường giao thông Ngọc - Lam - Bồi đi qua di tích lịch sử đền Quả Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Đô Lương	15,000	4,000	4,000	
15	Đường và cầu qua sông Khuôn tại xóm 14, xã Tân Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	5,500	3,500	2,000	
16	Đường giao thông xã Quỳnh Trang, thị xã Hoàng Mai	UBND xã Quỳnh Trang, thị xã Hoàng Mai	1,500	1,500		Kết thúc 2016
17	Đường giao thông liên xã Hưng Thắng, đoạn từ cầu Đình đến đường liên xã Tiến Thắng, huyện Hưng Nguyên	UBND xã Hưng Thắng, huyện Hưng Nguyên	5,300	2,000	2,000	Kết thúc giai đoạn
18	Nâng cấp mở rộng đường giao thông Lê Xuân Đào, huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	26,700	3,000	3,000	Kết thúc giai đoạn
19	Tuyến đường giao thông đi qua TT thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên	UBND thị trấn Hưng Nguyên	9,500	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
20	Cầu khe Pá, bản Huồi Cáng 1, xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	2,700	1,500	1,200	Kết thúc 2017
21	Đường giao thông từ QL 46 đến xã Nam Anh, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	2,000	2,000		Kết thúc 2016
22	Nâng cấp, mở rộng đường Xô Viết và đường tỉnh 540, xã Kim Liên - Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	8,033	2,000	4,000	Kết thúc giai đoạn
23	Nâng cấp mở rộng đường Phan Bội Châu đoạn đường nối QL 46 đến đường ven sông Lam đoạn từ Cửa Hội đi thị trấn Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	2,000	2,000		Kết thúc 2016
24	Đường vào TT y tế huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	4,280	2,000	2,280	Kết thúc 2017
25	Sửa chữa, nâng cấp tuyến nhánh nối vào đường Trung - Bình - Lâm, huyện Nghĩa Đàn (gói thầu 1 và 2)	UBND huyện Nghĩa Đàn	34,080	2,000	2,000	
26	Đường giao thông liên xã Nghĩa Bình, Nghĩa Hội đi Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	4,700	2,000	2,700	Kết thúc 2017
27	Cầu Đức Xuân (Khe Năng), xã Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	8,100	3,000	3,000	Kết thúc giai đoạn
28	Đường giao thông liên xã Nghĩa Yên đi Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	20,500	2,000	2,000	Kết thúc giai đoạn
29	Đường dọc khu trung tâm huyện lỵ mới huyện Nghĩa Đàn (Dự án 5) (gói số 2)	UBND huyện Nghĩa Đàn	9,000		2,000	
30	Đường vào trung tâm xã Nghĩa Trung, Nghĩa Bình, Nghĩa Lâm huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Nghĩa Đàn	2,500			Đổi ứng TPCP

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
31	Đường làng cây đa thuộc thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	UBND thị trấn Hưng Nguyên	15,000		2,459	Đổi ứng chương trình chính phủ
32	Đường giao thông vành đai phía Bắc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Nam Đàn	50,000			Đổi ứng Chương trình Chính phủ; Kết thúc giai đoạn
33	Đường GT từ xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc đi xã Đại Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Nghi Lộc	7,700			Kết thúc giai đoạn
34	Đường GT liên xã Nghi Văn - Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	10,976	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
35	Đường giao thông ĐT 534 - Nghi Văn - Hồ Xuân Dương (Diễn Châu), đoạn từ xóm 5B đến xóm 23, xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	10,000	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
36	Cầu treo bản Kê Ninh, xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	3,600	3,000	600	Kết thúc 2007
37	Cầu Hoa Hải, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	9,000	3,000	3,753	
38	Đường từ TL 544 đến bản Na Luộc, xã Diên Lâm, huyện Quỳnh Châu (đoạn từ bản Na Ca đến bản Cướm)	UBND huyện Quỳnh Châu	17,500	2,500	2,500	
39	Đường GT liên xã Minh Hợp - Văn Lợi, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	13,670	3,000	3,000	Kết thúc giai đoạn
40	Đường giao thông từ thị trấn Quỳnh Hợp đi xã Châu Đình, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	11,000	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
41	Cầu tràn liên hợp bản Nhạ, xã Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	5,560	3,000	2,560	Kết thúc giai đoạn
42	Xây dựng cầu tràn liên hợp Cốc Mắm, xã Thọ Hợp, huyện Quỳnh Hợp (tên cũ cầu treo Cốc Mắm)	UBND huyện Quỳnh Hợp	10,371	3,000	3,000	
43	Đường GTNT Quỳnh Thạch - Quỳnh Thanh - Quỳnh Lương huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	15,800	2,000	2,000	Kết thúc giai đoạn
44	Đường giao thông vào các di tích lịch sử văn hóa xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Đôi	4,490	2,000	2,490	Kết thúc 2017
45	Sửa chữa tuyến đường giao thông vùng Dừa phía Bắc, huyện Quỳnh Lưu (đoạn từ Km 6+200 - Km 16+300)	UBND huyện Quỳnh Lưu	12,500	2,500	2,500	Kết thúc giai đoạn
46	Đường giao thông Quỳnh Lâm - Ngọc Sơn, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	10,000	1,950	2,000	
47	Đường giao thông từ Tỉnh lộ 537B (đoạn xã Quỳnh Nghĩa) đi Tiến Thủy (cảng cá nhân dân Lạch Quèn), huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	4,180	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
48	Cầu thay thế tràn xã Nậm Nhóng	UBND huyện Quế Phong	2,500		1,500	Kết thúc giai đoạn
49	Đường vào Trung tâm xã Ngọc Lâm, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	14,000	2,000	2,000	
50	Đường vào xã Thanh Hưng, Thanh Phong, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	14,000	2,000	2,925	
51	Đường GT từ TL 533 đi đường Hồ Chí Minh, nối đường vào xã Ngọc Lâm tại xóm 1A xã Thanh Thịnh, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	9,700	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
52	Cải tạo, nâng cấp đường nối Quốc lộ 46 đi Thanh Đồng, Thanh Phong vào Nhà máy tinh bột sắn, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	8,700	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
53	Đường giao thông nối đường tỉnh 533 đi xã Thanh Hương nối đường Hồ Chí Minh	UBND huyện Thanh Chương	13,429		2,000	
54	Cầu treo Khe Ngẫu, xã Xá Lượng, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	7,400	4,000	1,500	
55	Đường giao thông từ TT xã Lượng Minh vào khu tái định cư bản Cà Moong, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	14,346	2,500	2,500	
56	Nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 545 đoạn qua thị xã Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hòa	26,320	3,000	3,000	Kết thúc giai đoạn
57	Tuyến đường ngang N6 thuộc hệ thống hạ tầng giao thông Khu đô thị mới Thái Hoà	UBND Thị xã Thái Hòa	5,000		1,800	
58	Cầu Khe Thân, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	15,000	2,500	2,000	
59	Cầu tràn liên hợp Tân Đông, xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	UBND xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	1,500	1,500		Kết thúc 2016
60	Đường giao thông từ Tổng đội TNXP4 đi trung tâm xã Tân Hợp, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	10,000	1,000	1,000	
61	Đường giao thông vùng nguyên liệu Khe Chùa, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	15,000	3,000	3,000	
62	Nâng cấp đường 33, huyện Yên Thành (KH 2017 thanh toán nợ tuyến số 5, Lý trình: Km13+532,95-KM15+700)	UBND huyện Yên Thành	12,000	2,000	2,000	
63	Đường từ Thịnh Thành, Tây Thành đến QL 15 (gđ1)	UBND huyện Yên Thành	10,000	1,600	1,500	
64	Nâng cấp đường tỉnh 534, đoạn qua thị tứ xã Sơn Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Sơn Thành, huyện Yên Thành	10,000	1,000	1,000	
65	Đường giao thông nối QL 46 vào xóm 7, xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, đoạn từ cầu Trinh đến cầu Gáo	UBND huyện Hưng Nguyên	1,500	1,500		Kết thúc năm 2016
66	Đường từ cầu treo An Ngãi đi trung tâm xã Tân An., huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	650	400	250	Kết thúc 2017
67	Đường giao thông vào TT xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương	UBND xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương	1,950	1,500	450	Kết thúc 2017
68	XD, nâng cấp Cầu Khe Cò tại Lý trình Km 5+500 trên tuyến Trảng - Bài, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	1,000	1,000		Kết thúc 2016
69	Đường giao thông liên xã Tây Thành, huyện Yên Thành đi xã Giang Sơn Đông, huyện Đô Lương	UBND xã Tây Thành, huyện Yên Thành	10,000	2,500	2,000	
70	Đường giao thông từ bản Huồi Lê đến bản Quyết Thắng, xã Keng Đu, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	21,000	2,500	2,500	Kết thúc giai đoạn
71	Đường từ Thị trấn - Đức Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	20,000	2,500	2,000	
72	Đường giao thông nối QL 1A (Quỳnh Thạch) đi Quỳnh Hoa	UBND huyện Quỳnh Lưu	7,500			Kết thúc giai đoạn
73	Đường giao thông Quỳnh Tân - Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	700	700		Kết thúc 2016
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		175,200		3,875	
1	Cầu Đồng Lộng trên tuyến đường Bồi Hồng, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	2,000			
2	Tuyến đường giao thông nông thôn bản Pôi đi bản Na Nháo, xã Châu Thôn, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	7,200			Kết thúc giai đoạn
3	Sửa chữa, nâng cấp đường Nguyễn Văn Bé đoạn từ ngã tư giao cắt đường QL 46B đến hết địa bàn xã Hưng Tây	UBND huyện Hưng Nguyên	2,900			
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường giao thông Trảng - Bài, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	10,000			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
5	Đường GT nối từ đường tả ngạn sông Lam (huyện Anh Sơn) với đường vào trung tâm xã Thạch Ngàn (huyện con Cuông)	UBND xã Tam Sơn, huyện Anh Sơn	12,600		3,875	Kết thúc giai đoạn
6	Đường GT từ QL7A đến Chùa Cỏ Am và trung tâm xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	15,000			Kết thúc giai đoạn
7	Đường GT nối từ đường Trung - Bình - Lâm đi thị xã Thái Hòa đoạn đi qua xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn.	UBND huyện Nghĩa Đàn	13,500			Kết thúc giai đoạn
8	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường GTNT nối từ đường ĐT.535 đến đường ven sông Lam, đoạn qua xóm Xuân Giang, xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	10,000			
9	Cầu Huồi Mân 2, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	5,000			
10	Cầu Huồi Mân 1, xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	5,000			
11	Đường giao thông liên xã Châu Quang - Châu Cường, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	23,500			Kết thúc giai đoạn
12	Tuyến đường số 1 thị tứ Quỳnh Thạch, xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu	5,000			
13	Đường giao thông nông thôn xã Tiền Phong (tuyến bản Phạm đi bản Khùn), huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	8,000			Kết thúc giai đoạn
14	Sửa chữa tuyến đường từ TT xã Lưu Kiên, huyện Tương Dương đến xã Nậm Càn, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Tương Dương	11,500			Kết thúc giai đoạn
15	Đường giao thông từ bản Bình 1 đi bản Thung Khạng, xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	7,000			
16	Đường giao thông tuyến Nghĩa An đi Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	15,000			
17	Đường GT từ tuyến đường tỉnh 534 (nay là Quốc lộ 48E) đi xã Đại Sơn, huyện Đô Lương, đoạn qua xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc	10,000			
18	Đường GT từ trung tâm xã Lượng Minh đi bản Châm Phường, xã Lượng Minh, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	12,000			Kết thúc giai đoạn
<i>e</i>	Công trình bố trí chuẩn bị đầu tư		300			
1	Đường GTNT vào Làng nghề giáp quán xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành	300			Bố trí chuẩn bị đầu tư trung hạn
	Ngành quản lý trên địa bàn		1,589,107	361,500	335,600	
<i>a</i>	Công trình trả nợ		60,595	16,500	12,278	
1	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nhà điều hành Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Nghệ An	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới Nghệ An	1,300	1,300		Kết thúc 2016
2	Trả nợ các công trình Sở Giao thông Vận tải chủ đầu tư		59,295	15,200	12,278	
1	Cầu treo Đò Mượu, xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương	Sở Giao thông Vận tải	2,570	2,570		Kết thúc 2016
2	Cầu Nậm Giải, huyện Quế Phong	Sở Giao thông Vận tải	1,520	1,520		Kết thúc 2016
3	Cầu treo Bàn Côi, xã Lượng Minh, huyện Tương Dương	Sở Giao thông Vận tải	580	580		Kết thúc 2016
4	Đường vào nhà máy xi măng Đô Lương	Sở Giao thông Vận tải	8,673	2,000	4,000	Kết thúc giai đoạn

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
5	Đường nối QL1A vào khu du lịch Bãi Lữ	Sở Giao thông Vận tải	1,578	1,000	578	Kết thúc 2017
6	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 538	Sở Giao thông Vận tải	3,700	1,000	1,700	Kết thúc giai đoạn
7	Đường GT vùng đừa - GD 1	Sở Giao thông Vận tải	2,000	2,000		Kết thúc 2016
8	Cầu treo Cây Mít, xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn	Sở Giao thông Vận tải	7,174	2,030	2,000	Kết thúc giai đoạn
9	Cầu treo Bến Mười, xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn	Sở Giao thông Vận tải	10,500	2,500	4,000	Kết thúc giai đoạn
10	Cầu treo Bãi Ồi, huyện Con Cuông	Sở Giao thông Vận tải	3,000			Kết thúc giai đoạn
11	Cầu treo Đò Rồng, huyện Anh Sơn	Sở Giao thông Vận tải	5,000			Kết thúc giai đoạn
12	Cầu treo Tân Thanh Hồng, huyện Tân Kỳ	Sở Giao thông Vận tải	3,000			Kết thúc giai đoạn
13	Cầu treo bản Khe Tang, huyện Kỳ Sơn	Sở Giao thông Vận tải	6,000			Kết thúc giai đoạn
14	Đường nối từ QL1A đến cảng Đông Hội	Sở Giao thông Vận tải	4,000			Kết thúc giai đoạn
b	Công trình chuyển tiếp		1,500,977	345,000	323,322	
1	Cầu Phương Tích trên Tỉnh lộ 534	Sở Giao thông Vận tải	9,370	3,000	3,322	Chọn điểm dùng kỹ thuật. Kết thúc giai đoạn
2	Đường từ KCN Hoàng Mai II đến NM xi măng Tân Thắng, huyện Quỳnh Lưu	BQL các dự án xây dựng dân dụng và kỹ thuật hạ tầng đô thị	120,800	40,000	20,000	Kết thúc giai đoạn
3	Đường giao thông nối đường N5 KKT Đông Nam đến Hòa Sơn, Đô Lương và Tân Long, Tân Kỳ	Sở Giao thông Vận tải	974,290	270,000	300,000	Kết thúc giai đoạn
4	Đường nối QL 1A - thị xã Thái Hòa - Nghĩa Đàn	Sở Giao thông Vận tải	150,000			Đổi ứng chương trình chính phủ
5	Bố trí các dự án thu hút đầu tư trọng điểm (VSIP, Tôn hoa sen, Hamarai...)		246,517	32,000		
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		27,535			
1	Cầu Bến Quan Km 32+884 ĐT 533	Sở Giao thông Vận tải	27,535			
b	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ		858,220	105,148	130,764	
	Huyện trực tiếp quản lý		772,583	99,011	118,264	
a	Công trình trả nợ		7,607	2,348	5,200	
1	Điện chiếu sáng thị trấn Mường Xén, Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	87	87		Kết thúc 2016
2	Hệ thống mương thoát nước thị trấn Nam Đàn	UBND thị trấn Nam Đàn	545	545		Kết thúc 2016
3	Hệ thống mương thoát nước thị trấn Kim Sơn- Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	2,775	716	2,000	Kết thúc 2017
4	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng các trục đường chính thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	1,900	1,000	900	Kết thúc 2017
5	Đường GT từ Khối 9 thị trấn Tân Kỳ nối TL545 tại Km0+545, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	2,300		2,300	Đổi ứng Chương trình Chính phủ
b	Công trình chuyển tiếp		422,376	96,663	70,803	
1	Kênh thoát nước số 1, đoạn từ ngang số 18 đến số 23, thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	10,900	900	1,500	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
2	Đường ngang số 19, thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	3,757	100		
3	Hệ thống điện chiếu sáng Quốc lộ 46 đoạn từ cơ sở 2 trường Đại học Vinh đến đường Nam Cẩm - Cửa Lò, thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	8,500	3,000	2,000	Kết thúc giai đoạn
4	Đường ngang số 12 - thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	6,440	5,800	640	Kết thúc 2017
5	Hệ thống điện chiếu sáng dọc tuyến Quốc lộ 1A, đoạn qua huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	3,900	2,000	1,900	Kết thúc 2017
6	Cầu qua sông Hoàng Mai tại phường Mai Hùng, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	UBND thị xã Hoàng Mai	13,200	3,953	3,000	Kết thúc giai đoạn
7	Hệ thống điện chiếu sáng dọc QL1A đoạn qua thị xã Hoàng Mai	UBND thị xã Hoàng Mai	12,800		2,000	Kết thúc giai đoạn
8	Nghĩa trang hung táng 2ha tại xã Quỳnh Lập	UBND thị xã Hoàng Mai	3,700	3,000	700	Kết thúc 2017
9	Đường giao thông từ khu trung tâm thị xã Hoàng Mai đến đền Cờn	UBND thị xã Hoàng Mai	10,000		1,000	Kết thúc giai đoạn, Đối ứng chương trình chính phủ
10	Tuyến đường số 3 Khu đô thị Hoàng mai (giai đoạn 1)	UBND thị xã Hoàng Mai	10,000		1,000	Kết thúc giai đoạn, Đối ứng chương trình chính phủ
11	Hệ thống mương thoát nước thị trấn Nghĩa Đàn, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	3,800	2,000	1,800	Kết thúc 2017
12	Hệ thống điện chiếu sáng đường nối từ đường Hồ Chí Minh đến Quốc lộ 48, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	1,000	1,000		Kết thúc 2016
13	Khu tái định cư các hộ dân sống gần Khu liên hợp xử lý chất thải rắn xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	24,700	800	5,000	Kết thúc giai đoạn,
14	Đường GT trung tâm nội khu hành chính mới thị trấn Quán Hành, huyện Nghi Lộc (giai đoạn 1)	UBND thị trấn Quán Hành	9,200	1,000	1,000	Phân kỳ đầu tư giai đoạn 1 với tmđt 24 tỷ, Kết thúc giai đoạn
15	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc phục vụ GPMB xây dựng tại KKT Đông Nam	UBND huyện Nghi Lộc	16,700	950	1,000	
16	Hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	3,500	1,500	2,000	Kết thúc 2017
17	Bãi xử lý rác thải thị trấn Quỳnh Hợp và các xã phụ cận	UBND huyện Quỳnh Hợp	6,100	2,000	4,100	Kết thúc 2017
18	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nội thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp (Tuyến 1: ngã ba Xương Luyến đi ngã Tư Bưu Điện 32 tỷ đồng, NS tỉnh 16 tỷ đồng)	UBND huyện Quỳnh Hợp	11,000	5,000	3,000	Phân kỳ đầu tư giai đoạn 1, Kết thúc giai đoạn
19	Điện chiếu sáng thị tứ Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	3,000	1,000		Kết thúc giai đoạn
20	Hệ thống điện chiếu sáng đô thị Tuấn, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	3,880	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
21	Hệ thống mương thoát nước thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	11,200	1,000	1,000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
22	Bãi xử lý rác thải thị trấn Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	9,200		2,000	Đổi ứng Chương trình Chính phủ, Kết thúc giai đoạn
23	Nâng cấp đường nội thị thị trấn Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	4,700	2,500	2,200	Kết thúc 2017
24	Hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn thị trấn Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	5,000	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
25	Kênh tiêu thoát nước Nghi Kim - Nghi Vạn, thành phố Vinh	UBND thành phố Vinh	6,500	2,000		Kết thúc giai đoạn
26	Chống ngập úng cục bộ trọng điểm trên địa bàn thành phố Vinh (giai đoạn 1: 35,8 tỷ đồng, NS tỉnh 17,9 tỷ đồng)	UBND thành phố Vinh	37,000	4,000	4,000	Kết thúc giai đoạn
27	Mương tiêu thoát nước Bàu Đông, xã Hưng Đông, thành phố Vinh	UBND xã Hưng Đông, thành phố Vinh	23,600	3,000	4,000	Kết thúc giai đoạn
28	Cải tạo kênh thoát nước số 2, đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến cầu Nại, đường Hồ Tùng Mậu, thành phố Vinh	UBND thành phố Vinh	4,500	3,000	1,500	Kết thúc giai đoạn
29	Đường giao thông đô thị theo đường tàu cũ, phường Trung Đô, thành phố Vinh	UBND phường Trung Đô, thành phố Vinh	9,000	3,000	2,000	Kết thúc giai đoạn
30	Hệ thống điện chiếu sáng đường tránh Vinh (đoạn qua Công ty TNHH Em-Tech Việt Nam)	UBND thành phố Vinh	1,060	1,060		Kết thúc 2016
31	Nâng cấp, mở rộng đường Trương Văn Lĩnh, đoạn nối đường Hải Thượng Lãn Ông đến đường Hoàng Phan Thái, thành phố Vinh	UBND thành phố Vinh	10,000	9,000	1,000	Kết thúc 2017
32	Một số tuyến đường chính trong giai đoạn đầu của thị trấn Yên Thành (đầu tư 20% giá trị xây lắp)	UBND huyện Yên Thành	17,900	6,500	1,500	phân kỳ giai đoạn dự án, Kết thúc giai đoạn
33	Điện chiếu sáng thị tứ Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	1,100	700	400	Kết thúc 2017
34	Bãi xử lý rác thải huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	2,950	700	2,250	Kết thúc 2017
35	Tuyến đường trục dọc D4 thuộc dự án xây dựng hạ tầng giao thông trung tâm đô thị mới Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hoà	500	500		Kết thúc 2016
36	Đường giao thông vào khu xử lý rác thải thị xã Thái Hoà (Giai đoạn 1)	UBND thị xã Thái Hoà	3,600	1,100	2,500	Kết thúc 2017
37	Được trục dọc D1 thuộc hệ thống hạ tầng giao thông khu đô thị mới Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hoà	4,000		2,000	Đổi ứng chương trình Chính phủ;
38	Đường tránh lũ phục vụ nhân dân sơ tán khi lũ lụt tại khối Yên Cư, phường Vinh Tân, thành phố Vinh.	UBND phường Vinh Tân, thành phố Vinh	1,000	1,000		Kết thúc 2016
39	Hệ thống điện chiếu sáng quốc lộ 15 và quốc lộ 7 đoạn qua thị trấn huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	2,300	2,300		Kết thúc 2016
40	Mương thoát nước thị trấn Quán Hành, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	2,789	1,000		Kết thúc giai đoạn
41	Tuyến đường trục dọc D3 thuộc dự án xây dựng hạ tầng giao thông trung tâm đô thị mới Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hoà	1,500	1,500		Kết thúc 2016

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
42	Cầu vượt lữ Tân Phượng, phường Vinh Tân, thành phố Vinh	UBND phường Vinh Tân, thành phố Vinh	4,000	2,000	2,000	
43	Đường giao thông du lịch kết hợp đê bao phòng chống lũ dọc bờ sông Vinh (giai đoạn 2)	UBND thành phố Vinh	2,300	2,300		Kết thúc 2016
44	Hệ thống mương thoát nước và vỉa hè thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	9,500	2,000		Kết thúc giai đoạn
45	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cao Xuân Huy kéo dài nối với đường Phạm Hồng Thái, thành phố Vinh (gđ1)	UBND thành phố Vinh	14,500			Kết thúc giai đoạn
46	Đường ngang số 4, thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	10,700	2,000	3,613	Kết thúc giai đoạn
47	Đường dọc phía Tây kênh thoát nước đường trục dọc số III, đoạn từ đường ngang số 1 đến đường ngang số 11, thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	8,700		3,000	
48	Xây dựng Khu tái định cư thuộc Khu công nghiệp Đông Hải (vị trí số 1 và số 2)	UBND thị xã Hoàng Mai	42,500	5,000		Kết thúc giai đoạn
49	Đường lánh nạn, cứu hộ phục vụ nhân dân sơ tán lũ lụt nối từ đê Môi Trường qua đê Bà Cô đến đường ven sông Lam, xã Hưng Hòa, thành phố Vinh	UBND xã Hưng Hòa, TP Vinh	4,700	3,000	1,700	Kết thúc 2017
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		342,600		42,261	
1	Hạ tầng Khu TĐC phục vụ GPMB các công trình trọng điểm trên địa bàn thị xã Hoàng Mai (giai đoạn 1)	UBND thị xã Hoàng Mai	26,600		5,753	Kết thúc giai đoạn
2	Đường Nguyễn Sỹ Sách kéo dài nối đường ven sông Lam, thành phố Vinh (giai đoạn 1)	UBND thành phố Vinh	220,000		30,000	Kết thúc giai đoạn
3	Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường tại Bãi rác Đông Vinh, thành phố Vinh	UBND thành phố Vinh	10,000		3,159	Kết thúc giai đoạn
4	Đường Nguyễn Huệ, thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	6,600			Kết thúc giai đoạn
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Hoà Bình	UBND huyện Tương Dương	7,000		2,849	Kết thúc giai đoạn
6	Đường giao thông Hòa Thái, xã Hưng Hòa, thành phố Vinh nối từ đường ven Sông Lam đến đê Môi Trường (giai đoạn 1)	UBND xã Hưng Hòa, TP Vinh	60,000		500	Bố trí chuẩn bị đầu tư 2017, Kết thúc trung hạn
7	Nâng cấp, mở rộng đường Bình Minh thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	5,000			Đối ứng nguồn Trung ương
8	Xây dựng đường QH24m ngoài hàng rào dự án mở rộng Nhà máy Em.Tech Nghệ An	UBND thành phố Vinh	7,400			Kết thúc giai đoạn
	Ngành quản lý trên địa bàn		85,637	6,137	12,500	
a	Công trình trả nợ		137	137		
1	Đường dây và TBA 250kVA-22/0,4kV cấp điện cho liên cơ quan Ủy ban MTTQ tỉnh, Hội LHPN và Tỉnh đoàn Nghệ An.	Ủy ban MTTQ tỉnh	137	137		Kết thúc 2016
b	Công trình chuyển tiếp		85,500	6,000	12,500	
1	Đường gom dân sinh đảm bảo an ninh khu vực Cảng hàng không Vinh (gđ1)	Ban quản lý các DA XDDD & KTHH đô thị	2,300	1,000	1,300	Kết thúc 2017
2	Đường vào trung tâm điều dưỡng người có công với cách mạng tỉnh Nghệ An	Trung tâm điều dưỡng người có công	3,700	1,000	2,700	Kết thúc 2017
3	Hệ thống thoát nước (giai đoạn 1) khu vực Bắc đường Nguyễn Sỹ Sách, thành phố Vinh	Ban quản lý các DA XDDD & KTHH đô thị	17,500	1,000	2,000	Kết thúc giai đoạn
4	Đường giao thông từ QL1A (ngã Ba Quán Bàu) đến Đại lộ Xô viết Nghệ Tĩnh.	Ban quản lý các DA XDDD & KTHH đô thị	54,000	3,000	5,000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
5	Xây dựng ô chôn lấp số 2A và 2B Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghi Yên, huyện Nghi Lộc	Cty TNHH MTV Môi trường & công trình đô thị NA	8,000		1,500	Kết thúc giai đoạn
c	CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ		81,915	17,100	20,715	
	Huyện trực tiếp quản lý		27,315	10,100	8,015	
b	Công trình chuyển tiếp		27,315	10,100	8,015	
1	Cải tạo, nâng công suất Nhà máy cấp nước Yên Thành từ 2.000m ³ /ngày đêm lên 5.000m ³ /ngày đêm	UBND huyện Yên Thành	10,000	2,000	2,000	
2	Mở rộng hệ thống tuyến ống cấp nước thị trấn Quán Hành	UBND thị trấn Quán Hành	500	500		Kết thúc 2016
3	Nhà máy nước huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	8,000	4,800	3,200	Kết thúc 2017
4	Xây dựng mở rộng nâng cấp nhà máy nước huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	3,200			Kết thúc giai đoạn
5	Nhà máy nước thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	5,615	2,800	2,815	Kết thúc 2017
	Ngành quản lý trên địa bàn		54,600	7,000	12,700	
b	Công trình chuyển tiếp		54,600	7,000	12,700	
1	Mở rộng, nâng cấp Nhà máy nước Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu	Công ty Cổ phần cấp nước Quỳnh Lưu	14,800	2,500	3,000	Kết thúc giai đoạn
2	Kè bảo vệ nguồn nước cho Trạm bơm nước thô Cầu Mượu và tuyến ống cấp nước xã Hưng Chính, thành phố Vinh	Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An	4,200	1,500	2,700	Kết thúc 2017
3	Cải tạo nâng cấp hệ thống tuyến ống cấp 1 bằng gang sắt sang ống nhựa HDPE của nhà máy cấp nước thị xã Thái Hòa	Công ty cổ phần cấp nước Thái Hòa	7,900	1,500	2,000	Kết thúc giai đoạn
4	Thay đổi nguồn nước thô bị ô nhiễm của Nhà máy nước Diễn Châu	Công ty cổ phần cấp nước Diễn Châu	13,500	1,500	2,000	Kết thúc giai đoạn
5	Hệ thống cấp nước sạch cho một số khu vực dân cư trung tâm trên địa bàn thành phố Vinh và huyện Hưng Nguyên	Công ty cổ phần cấp nước Nghệ An	14,200		3,000	Kết thúc giai đoạn
d	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN		27,370	6,200	6,970	
	Huyện trực tiếp quản lý		4,600	2,600	2,000	
b	Công trình chuyển tiếp		2,000	600	1,400	
1	Xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo mô hình một cửa liên thông hiện đại tại UBND huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	1,500	100	1,400	Kết thúc 2017
2	Dự án xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo mô hình một cửa liên thông hiện đại, đầu tư thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị văn phòng; nâng cấp hệ thống mạng công nghệ thông tin tại UBND huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	500	500		Kết thúc 2016
c	Công trình khởi công mới 2016		2,600	2,000	600	
1	Xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông hiện đại tại UBND huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	1,200	1,000	200	Kết thúc 2017
2	Xây dựng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông hiện đại tại UBND huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	1,400	1,000	400	Kết thúc 2017
	Ngành quản lý trên địa bàn		22,770	3,600	4,970	
a	Công trình trả nợ		8,170	3,600	3,570	
1	Xây dựng hệ thống CSDL và triển khai áp dụng phần mềm quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo phục vụ các cấp, các ngành tỉnh Nghệ An	Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An	2,380	2,000	380	Kết thúc 2017

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
2	Đầu tư hiện đại hoá các Đài truyền thanh cơ sở tại các phường, xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nghệ An	1,340	900	440	Kết thúc 2017
3	Đầu tư cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ lịch sử tỉnh Nghệ An để thực hiện các nhiệm vụ từ năm 2014-2015 của Đề án Xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu Lưu trữ lịch sử tỉnh Nghệ An giai đoạn 2014-2020.	Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Nghệ An	2,450	700	1,750	Kết thúc 2017
4	Hệ thống thiết bị mạng Lan, mạng thoại, camera giám sát dự án: Bệnh viện nội tiết (giai đoạn 2)	Bệnh viện nội tiết Nghệ An	2,000		1,000	Kết thúc giai đoạn
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		14,600		1,400	
1	Xây dựng hệ thống mạng Lan và trang thiết bị CNTT tại Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Bệnh viện ung bướu Nghệ An	1,400		1,400	Kết thúc 2017
2	Lắp đặt hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện, hệ thống xếp hàng tự động, hệ thống mạng Lan, thiết bị CNTT tại Bệnh viện mắt Nghệ An	Bệnh viện mắt Nghệ An	1,200			Kết thúc giai đoạn
3	Dự án đầu tư triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Nghệ An giai đoạn 2017-2019	Văn phòng Tỉnh ủy Nghệ An	10,000			Kết thúc giai đoạn
4	Nâng cấp hệ thống CNTT phục vụ công tác quản lý và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Y khoa Vinh cơ sở 1	Trường Đại học Y khoa Vinh	2,000			Kết thúc giai đoạn
F	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ		145,000	11,000	18,800	
	Ngành quản lý trên địa bàn		145,000	11,000	18,800	
a	Công trình trả nợ		2,167	1,800	367	
1	Cơ sở thực nghiệm ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học trong sản xuất rau an toàn và hoa chất lượng cao tại TP Vinh	TT ứng dụng tiến bộ KH-CN NA	1,000	1,000		Kết thúc 2016
2	Cải tạo trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ Nghệ An	Sở Khoa học và Công nghệ	982	800	182	Kết thúc 2017
3	Trụ sở làm việc và sàn giao dịch thiết bị - công nghệ của Trung tâm Thông tin Khoa học công nghệ và Tin học Nghệ An (chi QLDA, tư vấn đầu tư, khác)	Trung tâm Thông tin Khoa học công nghệ và Tin học Nghệ An	185		185	Kết thúc 2017
b	Công trình chuyển tiếp		92,663	9,200	10,000	
1	Thư viện điện tử Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn tỉnh Nghệ An	Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn tỉnh Nghệ An	1,611	1,200		Kết thúc giai đoạn
2	Trụ sở Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng tỉnh Nghệ An	Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Nghệ An	31,052	5,000	8,000	Kết thúc giai đoạn
3	Nâng cao năng lực Trung tâm kiểm định xây dựng Nghệ An	Trung tâm Kiểm định xây dựng Nghệ An	10,000	3,000		
	Bổ trợ các dự án ứng dụng khoa học trong phát triển nông nghiệp		50,000		2,000	
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		50,170		8,433	
1	Khu thực nghiệm và vườn ươm tạo công nghệ cao tại xã Đông Hiếu, thị xã Thái Hòa	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ	20,870		6,433	Kết thúc giai đoạn
2	Ứng dụng công nghệ tưới nhỏ giọt cho cây chanh leo huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	2,000		2,000	Kết thúc 2017
3	Đầu tư nâng cao năng lực truyền thông khoa học công nghệ cho Trung tâm Thông tin Khoa học - Công nghệ và Tin học Nghệ An	Trung tâm Thông tin Khoa học - Công nghệ và Tin học Nghệ An	4,000			Kết thúc giai đoạn

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
4	Xây dựng Trạm Đo lường Chất lượng tại Thị xã Hoàng Mai	Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Nghệ An	9,000			Kết thúc giai đoạn
5	Xây dựng trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường tỉnh Nghệ An	Sở Khoa học và Công nghệ	14,300			
G	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		457,114	120,567	91,015	
G1	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		367,420	98,670	75,835	
	Huyện trực tiếp quản lý		60,934	18,420	14,422	
a	Công trình trả nợ		2,520	2,520		
1	Trung tâm GDTX huyện Nghĩa Đàn (phần còn lại của nhà học 2 tầng 10 phòng học và các hạng mục phụ trợ)	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên Nghĩa Đàn	985	985		Kết thúc 2016, hết hạng mục đã đầu tư
2	Nhà học 2 tầng 5 phòng học chức năng, 2 phòng học lý thuyết Trường THCS Hạnh Lâm, Thanh Chương	UBND xã Hạnh Lâm	835	835		Kết thúc 2016
3	Nhà ở học sinh bán trú Trường TPDTBT-THCS Tri Lễ, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	700	700		Kết thúc 2016
b	Công trình chuyên tiếp		31,600	13,600	6,900	
1	Nhà học Trường tiểu học Châu Hạnh 2, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	5,300	1,500	2,000	Kết thúc giai đoạn
2	Trường THCS xã Thanh Ngọc, huyện Thanh Chương (giai đoạn 1) (hạng mục nhà học 2 tầng 12 phòng học)	UBND huyện Thanh Chương	1,000	1,000		Kết thúc 2016
3	Nhà học Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Quỳnh Hợp	Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Quỳnh Hợp	4,500	2,600	1,900	Kết thúc 2017
4	Nhà học đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và cải tạo nhà ăn Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Thái Hòa	Thị ủy Thái Hòa	300	300		Kết thúc 2016
5	Nhà học đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Tân Kỳ	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Tân Kỳ	1,000	300	700	Kết thúc 2017
6	Nhà hiệu bộ 2 tầng 8 phòng trường TH Thị trấn Hòa Bình, Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	1,200	1,200		Kết thúc 2016
7	Chương trình vệ sinh trường học		15,000	3,500		
8	Nhà học 2 tầng 12 phòng Trường tiểu học Hùng Thành, huyện Yên Thành	UBND xã Hùng Thành	3,300	1,000	2,300	Kết thúc 2017
c	Công trình khởi công mới 2016		13,814	2,300	7,222	
1	Nhà nội trú học sinh Trường PTDTBT THCS Nậm Cắn, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	991	50	941	Kết thúc 2017
2	Nhà nội trú học sinh Trường PTCS DTBT Bảo Thắng, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	1,975	50	1,000	Kết thúc giai đoạn
3	Nhà nội trú học sinh Trường PTDTBT TH&THCS Phả Lại, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	1,391	50	1,000	Kết thúc giai đoạn
4	Nhà nội trú học sinh Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Thông Thụ, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	2,239	1,100	1,139	Kết thúc 2017
5	Nhà nội trú học sinh Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Tri Lễ, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	2,242	1,100	1,142	Kết thúc 2017
6	Nhà nội trú học sinh Trường PTDTBT THCS Nhân Mai, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	2,300	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
7	Nhà nội trú học sinh Trường PTDTBT THCS Tam Hợp, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	2,676	1,150	1,000	Kết thúc giai đoạn
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		13,000		300	
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Đô Lương	Huyện ủy Đô Lương	3,000			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
2	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Hoàng Mai	Thị ủy Hoàng Mai	10,000		300	Chuẩn bị đầu tư 2017
	Ngành quản lý trên địa bàn		306,486	80,250	61,413	
a	Công trình trả nợ		50,921	39,650	6,418	
1	Cải tạo, mở rộng nhà thư viện Trường Cao đẳng Y tế Nghệ An	Trường Cao đẳng Y tế Nghệ An (nay là Trường ĐH Y khoa Vinh)	1,900	1,900		Kết thúc 2016
2	Nhà học 3 tầng và nhà hiệu bộ Trường THPT Diễn Châu 5	Trường THPT Diễn Châu 5	1,840	1,840		Kết thúc 2016
3	Nhà học chức năng và nhà hiệu bộ Trường THPT Hoàng Mai giai đoạn 2: nhà hiệu bộ 3 tầng	Trường THPT Hoàng Mai	3,430	3,430		Kết thúc 2016
4	Nhà học chức năng kiêm nhà hiệu bộ Trường THPT Nguyễn Cảnh Chân, huyện Thanh Chương	Trường THPT Nguyễn Cảnh Chân	500	500		Kết thúc 2016
5	Xây dựng nhà đa năng Trường THPT Lê Viết Thuật, thành phố Vinh	Trường THPT Lê Viết Thuật	2,750	2,750		Kết thúc 2016
6	Nhà chức năng kiêm nhà hiệu bộ Trường THPT Diễn Châu 2	Trường THPT Diễn Châu 2	1,520	1,520		Kết thúc 2016
7	Nhà hiệu bộ và nhà thực hành thí nghiệm kiêm thư viện Trường THPT Đặng Thúc Hứa, huyện Thanh Chương	Trường THPT Đặng Thúc Hứa, huyện Thanh Chương	530	530		Kết thúc 2016
8	Cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ và nhà học 3 tầng 18 phòng học, dãy nhà A2, xây mới nhà hội đồng và phòng học chức năng Trường THPT chuyên Phan Bội Châu	Trường THPT chuyên Phan Bội Châu	2,480	2,480		Kết thúc 2016
9	Cải tạo cơ sở vật chất Trường THPT chuyên Phan Bội Châu	Trường THPT chuyên Phan Bội Châu	550	550		Kết thúc 2016
10	Cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ và xây dựng các hạng phụ trợ của Trường THPT Nguyễn Xuân Ôn	Trường THPT Nguyễn Xuân Ôn	2,170	2,170		Kết thúc 2016
11	Nhà công vụ giáo viên Trường THPT Tân Kỳ	Trường THPT Tân Kỳ	280	280		Kết thúc 2016
12	Xây dựng nhà học chức năng kiêm nhà hiệu bộ 3 tầng Trường THPT Quỳnh Lưu 3, huyện Quỳnh Lưu	Trường THPT Quỳnh Lưu 3	2,547	1,800		Kết thúc giai đoạn
13	Cải tạo nhà học 3 tầng và xây dựng mới nhà học bộ môn Trường THPT Quỳnh Lưu 1, huyện Quỳnh Lưu	Trường THPT Quỳnh Lưu 1	1,042	500		Kết thúc giai đoạn
14	Nhà học 03 tầng 15 phòng Trường THPT Hà Huy Tập, TP Vinh	Trường THPT Hà Huy Tập	798	500		Kết thúc giai đoạn
15	Xây dựng nhà giảng đường 7 tầng của Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Nghệ An	Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Nghệ An (nay là trường Đại học kinh tế Nghệ An)	11,566	8,300		Kết thúc giai đoạn
16	Cải tạo, nâng cấp Trường THPT Cửa Lò, thị xã Cửa Lò.	Trường THPT Cửa Lò	2,439	2,000	439	Kết thúc 2017
17	Nhà học chức năng kiêm nhà học Trường THPT Thái Lão, huyện Hưng Nguyên	Trường THPT Thái Lão	3,711	3,600	111	Kết thúc 2017
18	Nhà đa chức năng, tượng Lê Hồng Phong và các hạng mục phụ trợ, hạ tầng của Trường THPT Lê Hồng Phong, huyện Hưng Nguyên	Trường THPT Lê Hồng Phong	10,490	5,000	5,490	
19	Gói thầu số 1: xây dựng phần móng công trình thuộc dự án Nhà học chuyên ngành 5 tầng tại cơ sở 2 Trường CĐ Văn hóa Nghệ thuật Nghệ An	Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Nghệ An	378		378	Kết thúc 2016
b	Công trình chuyển tiếp		123,688	40,600	43,295	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
1	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng (hạng mục nhà học 4 tầng)	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	8,019	2,900	3,000	Kết thúc giai đoạn
2	Cải tạo, nâng cấp nhà học 3 tầng 30 phòng học và xây dựng mới nhà hiệu bộ Trường THPT Thanh Chương 1, huyện Thanh Chương (<i>Hạng mục cải tạo, nâng cấp nhà học 3 tầng 30 phòng học</i>)	Trường THPT Thanh Chương 1	5,065	3,000	1,400	Kết thúc giai đoạn
3	Nhà học đa chức năng và hạng mục phụ trợ Trường THPT Quỳnh Lưu 2, huyện Quỳnh Lưu	Trường THPT Quỳnh Lưu 2	2,002	700		Kết thúc giai đoạn
4	Nhà học Trường THPT Phan Thúc Trục, huyện Yên Thành	Trường THPT Phan Thúc Trục	3,909	2,000	1,500	Kết thúc giai đoạn
5	Nhà học 3 tầng 9 phòng học chức năng trường THPT Đặng Thai Mai, Thanh Chương	Trường THPT Đặng Thai Mai	4,387	2,500	1,000	Kết thúc giai đoạn
6	Nhà hiệu bộ Trường THPT Tây Hiếu- Thị xã Thái Hoà	Trường THPT Tây Hiếu- Thị xã Thái Hoà	4,140	2,000	1,500	Kết thúc giai đoạn
7	Trường phổ thông DTNT THPT số 2 tỉnh Nghệ An	Trường phổ thông DTNT THPT số 2 tỉnh Nghệ An	35,800	10,000	9,000	
8	Khu thực hành tiền lâm sàng Trường Đại học Y khoa Vinh	Trường Đại học Y khoa Vinh	21,995	10,000	11,995	Kết thúc 2017
9	Nhà hiệu bộ 3 tầng và nhà học bộ môn 3 tầng Trường THPT Tân Kỳ 3, huyện Tân Kỳ (<i>hạng mục nhà học bộ môn</i>)	Trường THPT Tân Kỳ 3	6,700	2,000	2,600	Kết thúc giai đoạn
10	Cải tạo nhà học 3 tầng 15 phòng học và xây dựng mới nhà học bộ môn của Trường THPT Nam Đàn 1, huyện Nam Đàn	Trường THPT Nam Đàn 1	6,740	2,000	2,600	Kết thúc giai đoạn
11	Cải tạo nâng cấp nhà ở học viên, giảng viên 4 tầng và xây dựng hạng mục phụ trợ Trường Chính trị tỉnh Nghệ An	Trường Chính trị tỉnh Nghệ An	7,731	2,000	3,000	Kết thúc giai đoạn
12	Nhà hiệu bộ, thư viện Trường THPT Bắc Yên Thành, huyện Yên Thành	Trường THPT Bắc Yên Thành	4,355	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
13	Trường phổ thông DTNT THCS Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	11,594		3,700	Kết thúc giai đoạn
14	Nhà học chức năng Trường THPT Nguyễn Đức Mậu, huyện Quỳnh Lưu	Trường THPT Nguyễn Đức Mậu	1,252		500	Kết thúc giai đoạn
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		131,877		11,700	
1	Xây dựng nhà học chức năng Trường THPT Thanh Chương 3	Trường THPT Thanh Chương 3	8,978		3,200	Kết thúc giai đoạn
2	Cải tạo, nâng cấp nhà hiệu bộ 2 tầng và hạng mục phụ trợ Trường THPT Nghi Lộc 5	Trường THPT Nghi Lộc 5	3,648		1,300	Kết thúc giai đoạn
3	Nhà học chức năng và nâng cấp sân đường nội bộ Trường THPT Quỳnh Lưu 4, huyện Quỳnh Lưu.	Trường THPT Quỳnh Lưu 4	7,211		2,500	Kết thúc giai đoạn
4	Nhà học chức năng Trường THPT Quỳnh Hợp 2, huyện Quỳnh Hợp	Trường THPT Quỳnh Hợp 2	7,681		2,700	Kết thúc giai đoạn
5	Xây dựng nhà đa chức năng và các công trình phụ trợ Trường Trung học phổ thông Cửa Lò 2, thị xã Cửa Lò	Trường Trung học phổ thông Cửa Lò 2	5,000		2,000	Kết thúc giai đoạn
6	Xây dựng phòng học chức năng và phòng hiệu bộ Trường THPT Diễn Châu 3	Trường THPT Diễn Châu 3	7,700			Kết thúc giai đoạn
7	Cải tạo nhà học 3 tầng 15 phòng học và xây dựng nhà học chức năng Trường THPT Nam Đàn 2, huyện Nam Đàn.	Trường THPT Nam Đàn 2	5,788			Kết thúc giai đoạn
8	Cải tạo nhà học B2 Trường THPT Phan Đăng Lưu, huyện Yên Thành	Trường THPT Phan Đăng Lưu	2,870			Kết thúc giai đoạn

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
9	Xây dựng phòng học và phòng học chức năng Trường THPT Yên Thành 3	Trường THPT Yên Thành 3	5,390			Kết thúc giai đoạn
10	Xây dựng phòng tổ bộ môn và mua sắm trang thiết bị trường THPT chuyên Phan Bội Châu	Trường THPT chuyên Phan Bội Châu	9,000			Kết thúc giai đoạn
11	Nhà học chức năng Trường THPT Lê Lợi, huyện Tân Kỳ	Trường THPT Lê Lợi Tân Kỳ	4,761			Kết thúc giai đoạn
12	Xây dựng phòng học và phòng học bộ môn Trường THPT Đông Hiếu, thị xã Thái Hòa	Trường THPT Đông Hiếu, thị xã Thái Hòa	10,800			Kết thúc giai đoạn
13	Xây dựng nhà học chức năng và hạng mục phụ trợ Trường THPT Cát Ngạn, huyện Thanh Chương	Trường THPT Cát Ngạn	9,000			Kết thúc giai đoạn
14	Xây dựng nhà học, nhà học chức năng và nhà đa năng Trường THPT Đô Lương 2, huyện Đô Lương	Trường THPT Đô Lương 2	11,200			Kết thúc giai đoạn
15	Xây dựng nhà học chức năng, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Tương Dương 1	Trường THPT Tương Dương 1	11,250			Kết thúc giai đoạn
16	Nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Châu	Trường THPT Quỳnh Châu	9,000			Kết thúc giai đoạn
17	Nhà học chức năng và nhà đa năng Trường THPT Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp	Trường THPT Quỳnh Hợp	12,600			Kết thúc giai đoạn
G2	DAY NGHỀ		89,694	21,897	15,180	
	Huyện trực tiếp quản lý		12,694	6,497	4,400	
<i>a</i>	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>2,097</i>	<i>2,097</i>		
1	Trung tâm Hướng nghiệp Dạy nghề huyện Hưng Nguyên (gói XL (trừ phần trạm biến áp và đường dây trung thế))	Trung tâm Hướng nghiệp Dạy nghề huyện Hưng Nguyên	97	97		Kết thúc 2016
2	Trường trung cấp nghề kỹ thuật công, nông nghiệp Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	2,000	2,000		Kết thúc 2016
<i>b</i>	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>10,597</i>	<i>4,400</i>	<i>4,400</i>	
1	Cơ sở vật chất Trung tâm Dạy nghề huyện Anh Sơn	Trung tâm dạy nghề huyện Anh Sơn	4,448	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
2	Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	6,149	2,900	2,900	
	Ngành quản lý trên địa bàn		77,000	15,400	10,780	
<i>a</i>	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>5,546</i>	<i>3,400</i>	<i>1,640</i>	
1	Trường Trung cấp nghề Dân tộc miền núi Nghệ An giai đoạn 2 (đợt 1)	Trường Trung cấp nghề Dân tộc miền núi Nghệ An	1,000	1,000		Kết thúc 2016
2	Nâng cấp cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Công nghiệp, thủ công nghiệp Nghệ An (hạng mục gói thầu số 15, 16)	Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Công nghiệp, thủ công nghiệp Nghệ An	2,000	1,000	500	
3	Nhà xưởng thực hành nghề kỹ thuật xây dựng trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Việt Đức	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Việt Đức	2,546	1,400	1,140	Kết thúc 2017
<i>b</i>	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>71,454</i>	<i>12,000</i>	<i>9,140</i>	
1	Xây dựng Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Nghệ An	Trường Trung cấp nghề Kinh tế-Kỹ thuật Bắc Nghệ An	2,782	1,000	1,780	Kết thúc 2017
2	Nhà học đa năng kiêm Thư viện điện tử tại cơ sở 2 Trường Cao đẳng nghề du lịch-Thương mại Nghệ An	Trường Cao đẳng nghề du lịch-Thương mại Nghệ An	15,000	2,000	1,500	
3	Nhà học thực hành tại cơ sở 1, trường Cao đẳng nghề Du lịch - Thương mại Nghệ An	Trường Cao đẳng nghề du lịch-Thương mại Nghệ An	32,660	7,000	3,060	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
4	Xây dựng cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Nghi Lộc	Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Nghi Lộc	7,300	2,000		
5	Xây dựng cơ sở vật chất Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Đô Lương	Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Đô Lương	800		800	
6	Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật miền Tây Nghệ An	Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật miền Tây Nghệ An	12,912		2,000	Kết thúc giai đoạn
H	Y TẾ		268,784	38,494	38,891	
	Huyện trực tiếp quản lý		2,296		2,296	
a	Công trình trả nợ		2,296		2,296	
1	Phòng khám đa khoa khu vực Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn	Bệnh viện đa khoa huyện Kỳ Sơn	1,379		1,379	Đổi ứng chương trình mục tiêu quốc gia, Kết thúc 2017
2	Phòng khám đa khoa khu vực Châu Thôn, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	917		917	Đổi ứng chương trình mục tiêu quốc gia, Kết thúc 2017
	Ngành quản lý trên địa bàn		266,488	38,494	36,595	
a	Công trình trả nợ		18,735	7,694	6,000	
1	Trụ sở làm việc Trung tâm Dân số - Kế hoạch hoá gia đình huyện Nghĩa Đàn	Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình tỉnh Nghệ An	1,194	1,194		Kết thúc 2016
2	Cơ sở vật chất Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Hợp	Trung tâm Y tế huyện Quỳnh Hợp	1,000	1,000		Kết thúc 2016
3	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe tỉnh Nghệ An	Trung tâm truyền thông GDSK Nghệ An	900	900		Kết thúc 2016
4	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm chống Phong- Da liễu	Trung tâm chống Phong- Da liễu	1,800	1,800		Kết thúc 2016
5	Cơ sở vật chất Trung tâm y tế huyện Tân Kỳ	Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ	2,500	1,000	1,500	Kết thúc 2017
6	Nâng cấp cơ sở vật chất Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Nghệ An	Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Nghệ An	7,600	1,800	2,500	Kết thúc giai đoạn
7	Nhà kỹ thuật nghiệp vụ 2 tầng Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	3,741		2,000	Kết thúc giai đoạn
b	Công trình chuyển tiếp		177,653	30,800	27,095	
1	Cơ sở vật chất Bệnh viện Tâm thần tỉnh Nghệ An	Bệnh viện Tâm thần tỉnh Nghệ An	3,821	3,000	800	Kết thúc 2017
2	Cải tạo và xây dựng mới một số hạng mục chức năng của Bệnh viện Chấn thương - Chỉnh hình Nghệ An	Bệnh viện Chấn thương - Chỉnh hình Nghệ An	4,000	4,000		Kết thúc 2016
3	Cải tạo, xây dựng mới khoa, phòng chức năng Bệnh viện Sản nhi Nghệ An	Bệnh viện Sản Nhi	4,698	4,000	690	Kết thúc 2017
4	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc và nhà khám chữa bệnh của Trung tâm chăm sóc sức khỏe Sinh sản tỉnh Nghệ An (giai đoạn 2)	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Nghệ An	8,374	2,000	2,000	Kết thúc giai đoạn
5	Nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu	Bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu	7,000			Đổi ứng Trái phiếu Chính phủ;

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
6	Cơ sở vật chất Trung tâm y tế thành phố Vinh	Trung tâm y tế thành phố Vinh	2,982	600	2,300	Kết thúc 2017
7	Bệnh viện mắt Nghệ An	Bệnh viện Mắt Nghệ An	12,299	3,000	3,000	Hạng mục nhà khám và hành chính
8	Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An	Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An	29,929	2,000	2,805	
9	Cải tạo và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải một số bệnh viện trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở Y tế	2,000		2,000	Đối ứng ngân sách trung ương
10	Nhà kỹ thuật Trung tâm Y tế thị xã Hoàng Mai	Sở Y tế	4,750	2,000	1,500	Kết thúc giai đoạn
11	Cơ sở vật chất Trung tâm y tế huyện Anh Sơn	Trung tâm y tế huyện Anh Sơn	1,000	1,000		Kết thúc 2016
12	Cơ sở vật chất Trung tâm y tế huyện Hưng Nguyên	Trung tâm y tế huyện Hưng Nguyên	6,000	2,200	2,000	Kết thúc giai đoạn
13	Cơ sở vật chất Trung tâm y tế huyện Đô Lương	Trung tâm y tế huyện Đô Lương	5,800	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
14	Bệnh viện Nội tiết (giai đoạn 2)	Bệnh viện Nội tiết Nghệ An	15,000	3,500	4,500	Kết thúc giai đoạn
15	Trung tâm xạ trị và y học hạt nhân - Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	Bệnh viện Ung bướu Nghệ An	70,000	2,000	4,000	Đối ứng ngân sách trung ương
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		70,100		3,500	
1	Cải tạo và xây dựng mở rộng phòng khám Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	3,750		2,000	Kết thúc giai đoạn
2	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm phòng chống Sốt rét, ký sinh trùng và côn trùng Nghệ An	Sở Y tế	4,350		1,500	Kết thúc giai đoạn
3	Bệnh viện chấn thương chỉnh hình Nghệ An (giai đoạn 1)	Bệnh viện chấn thương chỉnh hình tỉnh Nghệ An	50,000			Kết thúc giai đoạn
4	Xây dựng Trung tâm huyết học truyền máu tỉnh	Trung tâm huyết học truyền máu tỉnh	12,000			Kết thúc giai đoạn
K	XÃ HỘI		117,145	23,118	19,294	
	Huyện trực tiếp quản lý		6,555	3,000	2,700	
b	Công trình chuyển tiếp		6,555	3,000	2,700	
1	Nâng cấp Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	6,300	2,745	2,700	Kết thúc giai đoạn
2	Nhà bia tưởng niệm Liệt sỹ xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên	UBND xã Hưng Thông	255	255		Kết thúc 2016
	Ngành quản lý trên địa bàn		110,590	20,118	16,594	
a	Công trình trả nợ		15,376	4,918	4,639	
1	Mở rộng, nâng cấp Trung tâm Bảo trợ xã hội Nghệ An	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Nghệ An	11,313	3,000	2,500	Kết thúc giai đoạn
2	Tăng cường cơ sở vật chất Trung tâm Bảo trợ xã hội Nghệ An	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Nghệ An	218	218		Kết thúc 2016
3	Nâng cấp Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội I tỉnh Nghệ An	Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội I tỉnh Nghệ An	2,489	1,000	1,489	Kết thúc 2017
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ tỉnh lộ 535 vào khu điều dưỡng thương binh tâm thần kinh Nghệ An	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Nghệ An	1,356	700	650	Kết thúc 2017
b	Công trình chuyển tiếp		55,776	15,200	11,955	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
1	Nâng cấp Trung tâm chinh hình phục hồi chức năng Vinh	Trung tâm Chinh hình phục hồi chức năng Vinh	3,489	2,000		Kết thúc giai đoạn
2	Hệ thống điện chiếu sáng bằng năng lượng mặt trời tại nghĩa trang liệt sỹ quốc tế Việt Lào và nghĩa trang liệt sỹ ở huyện Đô Lương	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	2,196	1,500	690	Kết thúc 2017
3	Nhà ở thương binh Trung tâm Điều dưỡng thương binh Nghệ An (gói 2)	Trung tâm Điều dưỡng thương binh Nghệ An	7,731	3,300	1,200	Kết thúc giai đoạn
4	Trung tâm giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm Phúc Sơn	Trung tâm giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm Phúc Sơn	16,253	3,500	2,400	Kết thúc giai đoạn
5	Xây dựng Trung tâm quản lý sau cai nghiện ma túy Nghệ An (gói 3: Các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật, nhà học tập, sinh hoạt văn hóa, nhà xưởng học nghề...)	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Nghệ An	5,091	2,000	2,300	Kết thúc giai đoạn
6	Cải tạo nâng cấp Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội II tỉnh Nghệ An	Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội II tỉnh Nghệ An	3,950	1,000	1,500	Kết thúc giai đoạn
7	Nhà thờ và nhà văn bia nghĩa trang liệt sỹ Việt Lào	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Nghệ An	10,000	1,000	965	Kết thúc giai đoạn
8	Nâng cấp và mở rộng lô mộ nghĩa trang liệt sỹ huyện Nghi Lộc	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Nghệ An	3,966	900	900	Kết thúc giai đoạn
9	Hệ thống xử lý nước thải tại Trung tâm Giáo dục Lao động Xã hội 2	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội Nghệ An	3,100		2,000	Kết thúc giai đoạn
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		39,438			
1	Xây dựng nhà thờ các Cụ lão thành cách mạng tại Cơ sở 2 Trung tâm công tác Xã hội	Sở Lao động thương binh và xã hội	6,300			Kết thúc giai đoạn
2	Xây dựng Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Nghệ An cơ sở 2	Sở Lao động, Thương binh và xã hội Nghệ An	20,000			Kết thúc giai đoạn, Đối ứng chương trình Chính phủ
3	Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Nghệ An cơ sở 2	Sở Lao động, Thương binh và xã hội Nghệ An	10,000			
4	Nâng cấp mở rộng khoa phẫu thuật chỉnh hình tại Trung tâm Chinh hình - phục hồi chức năng Vinh	Sở Lao động, Thương binh và xã hội Nghệ An	3,138			
L	VĂN HÓA		373,057	36,332	31,290	
	Huyện trực tiếp quản lý		199,455	11,084	8,800	
a	Công trình trả nợ		6,359	2,359	1,000	
1	Sân vận động huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	4,000		1,000	Kết thúc giai đoạn
2	Nhà văn hóa đa chức năng trung tâm xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên	UBND xã Hưng Tây	140	140		Kết thúc 2016
3	Nhà văn hóa đa chức năng hữu nghị Việt Lào tại huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	1,249	1,249		Kết thúc 2016
4	Đài Phát thanh Truyền hình Yên Thành (tại vị trí mới), huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	970	970		Kết thúc 2016
b	Công trình chuyển tiếp		178,596	8,725	7,800	
1	Hỗ trợ Tu bổ nâng cấp di tích nhà ông Hoàng Viện- Cơ sở của xứ ủy Trung Kỳ năm 190-1931 tại Hưng Châu, huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	4,500	1,500		Kết thúc giai đoạn

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
2	Xây dựng các hạng mục trong khu di tích đền Nguyễn Cảnh Hoan, xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	8,200			Kết thúc giai đoạn
3	Nhà lưu niệm đồng chí Nguyễn Duy Trinh, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	3,000	1,700	1,300	Kết thúc 2017
4	Cải tạo, mua sắm trang thiết bị khu Trung tâm văn hóa huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	255	255		Kết thúc 2016
5	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ và mộ Hồ Tùng Mậu	UBND huyện Quỳnh Lưu	7,771			Kết thúc giai đoạn
6	Khuôn viên, tượng đài, các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật với chủ đề "Hậu phương tiến về tiền tuyến"	UBND huyện Tân Kỳ	8,800	3,500	3,500	Kết thúc giai đoạn
7	Khu nhà tưởng niệm đ/c Phan Đăng Lưu tại xã Hoa Thành; Nâng cấp khu công viên trung tâm và XD tượng đài đ/c Phan đăng Lưu tại thị trấn Yên Thành, h Yên Thành (gđ 1)	UBND huyện Yên Thành	15,000		1,000	Đối ứng Chương trình Chính phủ
8	Đền thờ các liệt sỹ tại Khu di tích Đài tưởng niệm 72 chiến sỹ cộng sản 1930-1931 ở xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	14,300		1,000	Đối ứng Chương trình Chính phủ; Kết thúc giai đoạn
9	Tôn tạo cụm di tích lịch sử Vua Mai, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	348	348		Kết thúc 2016
10	Lắp đặt cột Anten thu phát sóng, thiết bị sản xuất chương trình và cải tạo, nâng cấp Đài Truyền thanh Truyền hình Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	1,000	1,000		Kết thúc 2016
11	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa đa chức năng huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	422	422		Kết thúc 2016
12	Khu tưởng niệm Bác Hồ về thăm Đông Hiếu (giai đoạn 1)	UBND thị xã Thái Hòa	15,000			Đối ứng Chương trình Chính phủ, Kết thúc giai đoạn
13	Bảo tồn và phát huy giá trị Di tích Xô Viết Nghệ Tĩnh	UBND huyện Hưng Nguyên	100,000		1,000	Đối ứng Chương trình Chính phủ
d Công trình khởi công mới 2017-2020			14,000			
1	Tu bổ, tôn tạo đền Pu Nhạ Thầu, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	4,000			Kết thúc giai đoạn
3	Hạ tầng khu bảo tồn di chỉ khảo cổ Làng Vạc gắn với du lịch, thị xã Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hòa	10,000			
e Công trình bố trí chuẩn bị đầu tư			500			
2	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao thị trấn Quán Hành, huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	500			Chuẩn bị đầu tư trung hạn
Ngành quản lý trên địa bàn			173,602	25,248	22,490	
a Công trình trả nợ			2,028	1,648		
1	Tôn tạo, nâng cấp khu di tích, lưu niệm cụ Phan Bội Châu (giai đoạn 2)	Ban Quản lý di tích Danh thắng Nghệ An	233	233		Kết thúc 2016
2	Nhà lưu niệm Đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	600	220		gói thầu

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
3	Thư viện số - điện tử và thiết bị nội thất của Thư viện tỉnh Nghệ An	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	700	700		Kết thúc 2016 gói thầu
4	Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới Trung tâm Văn hoá Thông tin tỉnh Nghệ An	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	190	190		Kết thúc 2016
5	Nhà ăn tiếp khách (nhà ăn gỗ Bắc và người thân trong gia đình Bắc), nhà vệ sinh tại Làng Sen và cải tạo nhà đón tiếp khách tại Hoàng Trù trong Khu di tích Kim Liên, huyện Nam Đàn	Khu di tích Kim Liên	305	305		Kết thúc 2016
b	Công trình chuyển tiếp		150,097	18,600	21,190	
1	Khu di tích Phùng Chí Kiên	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	1,200	1,200		Kết thúc 2016
2	Cải tạo nhà trưng bày Bảo tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	930	500		Kết thúc giai đoạn
3	Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hoá - thông tin - thể thao đạt chuẩn quốc gia	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	34,796	7,500	8,000	
4	Cải tạo nhà học và các phòng chức năng của trường phổ thông năng khiếu thể dục thể thao	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	1,790	1,000	790	Kết thúc 2017
5	Mở rộng, cải tạo trụ sở làm việc và sửa chữa đường trục chính, sân nhà gỗ Bắc Hồ, hệ thống khung cửa trạm cảnh sát bảo vệ mục tiêu	Khu di tích Kim Liên	3,626	2,000	1,600	Kết thúc 2017
6	Cải tạo, nâng cấp bảo tàng Văn hoá các dân tộc huyện Quỳnh Châu	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	1,205	500		Kết thúc giai đoạn
7	Cải tạo nâng cấp trụ sở làm việc và nhà ăn, nhà lưu trú cho diễn viên đoàn ca múa dân tộc Nghệ An	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	4,010	1,200	1,100	Kết thúc giai đoạn
8	Trung bày nội, ngoại thất Bảo tàng Nghệ An	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	21,250	2,500	1,500	
9	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa quốc gia đền thờ Trương Nguyên Bạch Liêu	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	2,070	1,100	900	Kết thúc 2017
10	Tu bổ, tôn tạo đình Lương Sơn	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	4,000	1,100	1,300	Kết thúc giai đoạn
11	Tượng đài Chủ tịch Hồ Chí Minh tại thành phố Ulianop - LB Nga	Sở Ngoại vụ	10,447		5,000	Kết thúc giai đoạn
12	Tu bổ, tôn tạo nhà thờ gia tộc đại tôn họ Hoàng Xuân tại xã Kim Liên, huyện Nam Đàn	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	2,673		1,000	Kết thúc giai đoạn
13	Xây dựng Trung tâm Bảo tồn và Phát huy di sản dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	37,100			Đổi ứng Chương trình Chính phủ, Kết thúc giai đoạn
14	Tu bổ, tôn tạo Khu lưu niệm Phan Bội Châu	Ban quản lý Di tích - Danh thắng	5,000			Kết thúc giai đoạn
15	Nâng cấp, mở rộng Đài Phát thanh Truyền hình Nghệ An ngang tầm khu vực Bắc Miền Trung Giai đoạn 1: Nhà làm việc phục vụ hoạt động điều hành và sản xuất chương trình phát thanh - truyền hình Nghệ An	Đài Phát thanh truyền hình Nghệ An	20,000			Đổi ứng Chương trình Chính phủ, Kết thúc giai đoạn
c	Công trình khởi công mới 2016		9,477	5,000	1,300	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
1	Cải tạo, nâng cấp sân vận động thành phố Vinh	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	3,000	3,000		Phục vụ HKPĐ toàn quốc 2016
2	Cải tạo, nâng cấp nhà thi đấu đa chức năng tỉnh Nghệ An	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	6,477	2,000	1,300	Kết thúc giai đoạn
<i>d</i>	<i>Công trình khởi công mới 2017-2020</i>		<i>12,000</i>			
1	Tu bổ tôn tạo di tích lịch sử văn hóa nhà thờ họ hồ tại xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	7,000			
2	Tu bổ tôn tạo di tích đền vua Lê, tại xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	5,000			
M	QUỐC PHÒNG AN NINH		172,617	24,100	19,943	
	Ngành quản lý trên địa bàn		172,617	24,100	19,943	
<i>a</i>	<i>Công trình trả nợ</i>		<i>28,404</i>	<i>13,445</i>	<i>7,243</i>	
1	Doanh trại công an tân kỳ	Công an tỉnh Nghệ An	2,343	1,000	1,343	Kết thúc 2017
2	Nhà ở cán bộ chiến sỹ cơ quan Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	300	300		Kết thúc 2016
3	Cải tạo nhà làm việc BCH QS huyện Tương Dương	Ban chỉ huy quân sự huyện Tương Dương	100	100		Kết thúc 2016
4	Nhà làm việc cảnh sát điều tra	Công an tỉnh Nghệ An	1,700	1,700		Kết thúc 2016
5	Nhà xưởng, nhà kho thiết bị phòng chống bão lụt, cứu hộ cứu nạn	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	3,900	2,500	1,400	Kết thúc 2017
6	Trạm kiểm soát biên phòng Xiềng Trên, đồn Biên phòng Mỹ Lý	Bộ chỉ huy biên phòng tỉnh	1,500	1,245		Kết thúc giai đoạn
7	Đường hầm CH2-02	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	6,400	4,400		Kết thúc giai đoạn
8	Doanh trại công an huyện Diễn châu	Công an tỉnh Nghệ An	6,000	1,000	2,000	Kết thúc giai đoạn
9	Nhà ở bộ đội và công trình phụ trợ BCH QS huyện Quỳnh Hợp	Ban chỉ huy quân sự huyện Quỳnh Hợp	3,890	700	1,500	Kết thúc giai đoạn
10	Nhà ở cán bộ chiến sỹ BCHQS huyện Kỳ Sơn	Ban chỉ huy quân sự huyện Kỳ Sơn	2,100	500	1,000	Kết thúc giai đoạn
11	Nhà làm việc, phòng học giao ban, nhà ăn, nhà xe và tường rào Ban chỉ huy quân sự huyện Quế Phong	Ban chỉ huy Quân sự huyện Quế Phong	171			Kết thúc giai đoạn
<i>b</i>	<i>Công trình chuyển tiếp</i>		<i>71,063</i>	<i>10,655</i>	<i>8,700</i>	
1	Nhà ở cán bộ, chiến sỹ, nhà ăn, cổng và hàng rào mặt trước trụ sở công an huyện Quỳnh Lưu	Công an tỉnh Nghệ An	5,863	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
2	Nhà ở chiến sỹ tiểu đoàn huấn luyện cơ động của Bộ đội biên phòng NA	Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng	1,200	955		Kết thúc giai đoạn
3	Trụ nước và bến lấy nước phục vụ PCCC trên địa bàn TP Vinh	Công an tỉnh Nghệ An	4,600	1,500	1,500	Kết thúc giai đoạn
4	Trụ sở cảnh sát PCCC tỉnh	Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Nghệ An	3,000	3,000		Kết thúc 2016
5	Nâng cấp cơ sở doanh trại Công an huyện Con Cuông	Công an tỉnh Nghệ An	8,500	2,000	2,000	Kết thúc giai đoạn
6	Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc Công an tỉnh Nghệ An	Công an tỉnh Nghệ An	14,500	2,200	2,200	
7	Trụ sở làm việc Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Nghệ An	Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Nghệ An	15,000			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
8	Doanh trại BCH QS huyện Đô Lương	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	3,400			Kết thúc giai đoạn
9	Trụ sở làm việc của Phòng cảnh sát PC&CC số 6 tỉnh Nghệ An	Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Nghệ An	15,000		2,000	
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		73,150		4,000	
1	Xây dựng tường rào và các công trình phụ trợ ban CHQS huyện Hưng Nguyên	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	3,150			Kết thúc giai đoạn
2	Xây dựng nâng cấp ban chỉ huy quân sự thị xã Cửa Lò	Ban chỉ huy quân sự thị xã Cửa Lò	10,000			Kết thúc giai đoạn
4	Trụ sở làm việc phòng quản lý xuất nhập cảnh	Công an tỉnh Nghệ An	20,000		1,000	
5	Xây dựng nhà làm việc bộ phận một cửa, tiếp dân, làm CMND và thường trực chiến đấu cảnh sát 113	Công an tỉnh Nghệ An	25,000		3,000	
6	Trụ sở làm việc của Phòng cảnh sát PC&CC số 4 tỉnh Nghệ An	Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Nghệ An	15,000			
N	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC		337,061	78,547	47,473	
	Huyện trực tiếp quản lý		92,597	24,867	21,493	
a	Công trình trả nợ		3,914	3,264	650	
1	Cải tạo nhà làm việc, nhà ăn của Huyện ủy Kỳ Sơn	Huyện ủy Kỳ Sơn	294	294		Kết thúc 2016
2	Hội trường huyện ủy Kỳ Sơn	Huyện ủy Kỳ Sơn	1,800	1,800		Kết thúc 2016
3	Xây dựng trụ sở khối dân huyện Quế Phong	Huyện ủy Quế Phong	500	500		Kết thúc 2016
4	Cải tạo nhà làm việc 3 tầng huyện ủy Quế Phong	Huyện ủy Quế Phong	350		350	Kết thúc 2017
5	Nhà khách huyện ủy Quế Phong	Huyện ủy Quế Phong	300		300	Kết thúc 2017
6	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên Cơ quan Huyện ủy Thanh Chương	Huyện Ủy Thanh Chương	670	670		Kết thúc 2016
b	Công trình chuyển tiếp		30,740	21,603	9,137	
1	Trụ sở làm việc HĐND và UBND thị xã Hoàng Mai	UBND Thị xã Hoàng Mai	7,000	5,000	2,000	Kết thúc 2017
2	Trụ sở làm việc Thị ủy và các đoàn thể thị xã Hoàng Mai	Thị ủy Hoàng Mai	6,000	5,000	1,000	Kết thúc 2017
3	Mở rộng, nâng cấp Trung tâm giao dịch 1 cửa huyện Nghi Lộc	UBND huyện Nghi Lộc	1,190	500	690	Kết thúc 2017
4	Trụ sở làm việc huyện ủy Tương Dương	Huyện ủy Tương Dương	6,500	4,000	2,500	Kết thúc 2017
5	Nhà làm việc và hội trường huyện ủy Tân Kỳ	Huyện ủy Tân Kỳ	2,000	1,000	1,000	Kết thúc 2017
6	Hội trường Nhà khách chung của Huyện ủy-UBND huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	1,500	1,500		Kết thúc 2016
7	Xây dựng trụ sở làm việc cơ quan khối dân huyện Nghi Lộc	Ủy ban mặt trận Tổ quốc huyện Nghi Lộc	400	400		Kết thúc 2016
8	Nhà làm việc UBMTTQ và đoàn thể huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	5,500	3,553	1,947	Kết thúc 2017
9	Cải tạo, nâng cấp hội trường cơ quan thị ủy Thái Hòa	Thị ủy Thái Hòa	650	650		Kết thúc 2016
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		57,943		11,706	
1	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Huyện ủy Quế Phong	Huyện ủy Quế Phong	5,400			Kết thúc giai đoạn
2	Nhà công vụ huyện ủy Kỳ Sơn	Huyện ủy Kỳ Sơn	7,600		3,206	Kết thúc giai đoạn
3	Nhà công vụ huyện ủy Quỳnh Hợp	Huyện ủy Quỳnh Hợp	4,000		1,500	Kết thúc giai đoạn

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
4	Cải tạo, mở rộng nhà làm việc 3 tầng trụ sở HĐND-UBND huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	10,800		3,000	Kết thúc giai đoạn
5	Cải tạo, nâng cấp và xây mới trụ sở làm việc cơ quan HĐND-UBND Thị xã Thái Hòa	UBND Thị xã Thái Hòa	12,000			Đổi ứng chương trình chính phủ
6	Trụ sở làm việc cơ quan HĐND-UBND huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	18,143		4,000	Kết thúc giai đoạn
	Ngành quản lý trên địa bàn		244,464	53,680	25,980	
a	Công trình trả nợ		149,584	42,050	12,045	
1	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Y tế tỉnh Nghệ An	Sở Y tế tỉnh Nghệ An	1,800	1,800		Kết thúc 2016
2	Trụ sở làm việc BQL dự án công trình giao thông Nghệ An	BQL dự án công trình giao thông NA	960	960		Kết thúc 2016
3	Cải tạo nâng cấp trụ sở làm việc Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh	Ban Thi đua khen thưởng	360	360		Kết thúc 2016
4	Cải tạo trụ sở làm việc cơ quan Tỉnh đoàn	Tỉnh đoàn	1,690	1,690		Kết thúc 2016
5	Trụ sở liên cơ quan Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Trung tâm thông tin tài nguyên môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất	Văn phòng đăng ký QSDĐ	2,740	2,740		Kết thúc 2016
6	Trụ sở UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	135,000	30,000	10,000	Kết thúc giai đoạn
7	Trụ sở cơ quan Mặt trận tổ quốc	Ủy ban MTTQ VN tỉnh Nghệ An	1,076	1,000	76	Kết thúc 2017
8	Cải tạo nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Lao động, Thương binh và XH	Sở Lao động, TB và XH	2,000	1,000	511	Kết thúc giai đoạn
9	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 2 tầng - Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	2,058	1,500	558	Kết thúc 2017
10	Mở rộng, cải tạo Nhà làm việc Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An	Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An	1,900	1,000	900	Kết thúc 2017
b	Công trình chuyển tiếp		35,030	9,630	10,935	
1	Mở rộng, nâng cấp trụ sở làm việc Hội nông dân tỉnh Nghệ An	Hội nông dân	630	630		Kết thúc 2016
2	Nhà khách Tỉnh ủy Nghệ An	Văn phòng Tỉnh ủy	5,300	2,000	3,300	Kết thúc 2017
3	Nhà làm việc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Nghệ An	Sở Thông tin và Truyền thông	9,000	3,000	3,000	Kết thúc giai đoạn
4	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc sở Công thương	Sở Công thương	5,100	2,000	2,500	Kết thúc giai đoạn
5	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng trụ sở làm việc Sở Văn hóa, thể thao và du lịch	Sở Văn hóa- Thể thao và Du lịch	6,000	2,000	2,135	Kết thúc giai đoạn
6	Xây dựng trụ sở làm việc Trung tâm giống cây trồng Nghệ An.	Trung tâm giống cây trồng Nghệ An	4,000			Kết thúc giai đoạn
7	Nhà làm việc Ban Nội chính và Ban Tuyên giáo tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	3,000			
8	Mua sắm thiết bị và làm vách ngăn trụ sở HĐND tỉnh	Văn phòng HĐND	2,000			
c	Công trình khởi công mới 2016		8,000	2,000	3,000	
1	Cải tạo mở rộng trụ sở làm việc sở Tư pháp	Sở Tư pháp	8,000	2,000	3,000	Kết thúc giai đoạn
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		51,850			
1	Cải tạo mở rộng nâng cấp trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An	Sở Tư pháp	2,900			Kết thúc giai đoạn
2	Hội trường họp gắn với nhà để hàng cứu trợ tại cơ quan ủy ban MTTQ tỉnh Nghệ An	Ủy ban MTTQ tỉnh Nghệ An	3,400			Kết thúc giai đoạn

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
3	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc của Thanh tra tỉnh Nghệ An.	Thanh Tra tỉnh	4,500			Kết thúc giai đoạn
4	Xây dựng trụ sở Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Nghệ An	Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Nghệ An	25,650			Kết thúc giai đoạn
5	Trụ sở làm việc Chi cục phòng, chống tệ nạn xã hội tỉnh Nghệ An	Chi cục Phòng, chống tệ nạn xã hội tỉnh Nghệ An	6,500			Kết thúc giai đoạn
6	Cải tạo nhà làm việc, khuôn viên sân vườn, công hàng rào và gara xe ô tô Sở Nội vụ Nghệ An	Sở Nội vụ	4,000			Kết thúc giai đoạn
7	Tăng cấp, mở rộng Trụ sở làm việc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Nghệ An	Sở Nông nghiệp và PTNT	4,900			Kết thúc giai đoạn
O	CỤM CÔNG NGHIỆP		40,700	8,000	4,000	
	Huyện trực tiếp quản lý		40,700	8,000	4,000	
b	Công trình chuyển tiếp		22,700	8,000	1,500	
1	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Nam Giang, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	1,500	1,500		Kết thúc 2016
2	Hạ tầng CCN Na khúu, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	2,000	2,000		Kết thúc 2016
3	Đường giao thông vào Cụm công nghiệp Nghĩa Hoàn, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	1,000	1,000		Kết thúc 2016
4	Tuyến đường D3, N3 vào cụm công nghiệp Hưng Đông, thành phố Vinh.	UBND thành phố Vinh	13,200	2,000		Phân kỳ giai đoạn đầu tr
5	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thị trấn Yên Thành, huyện Yên Thành	UBND huyện Yên Thành	5,000	1,500	1,500	
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		18,000		2,500	
1	Đường GT vào cụm công nghiệp Thượng Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	10,000		2,500	
2	Tuyến ống cấp nước thô cho Cụm công nghiệp Nghĩa Long, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	6,000			Kết thúc giai đoạn
3	Hệ thống thoát nước nội bộ CCN Nghi Phú, thành phố Vinh	UBND thành phố Vinh	2,000			Kết thúc giai đoạn
P	HẠ TẦNG LÀNG NGHỀ		26,190	17,240	5,950	
	Huyện trực tiếp quản lý		26,190	17,240	5,950	
a	Công trình trả nợ		1,640	1,640		
1	Cơ sở hạ tầng làng nghề mây tre đan xuất khẩu Lam Hồng xã Phúc Thọ huyện Nghi Lộc	UBND xã Phúc Thọ	1,000	1,000		Kết thúc 2016
2	Hạ tầng Làng nghề dệt thổ cẩm Bán Hoa Tiến, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Tiến	640	640		Kết thúc 2016
b	Công trình chuyển tiếp		17,550	12,600	3,950	
1	Đường giao thông các làng nghề chế biến hải sản Phú Lợi phường Quỳnh Diệt Thị xã Hoàng Mai	UBND phường Quỳnh Diệt	1,300	1,300		Kết thúc 2016
2	Đường giao thông làng nghề sản xuất mộc Minh Tâm, xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Minh	2,000		1,000	Kết thúc giai đoạn
3	Đường làng nghề sản xuất miến Phú Thành xã Quỳnh Hậu huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Hậu	1,550		1,550	Kết thúc 2017
4	XD cơ sở hạ tầng làng nghề mộc Dinh Chu, xã Thanh Tường huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Tường, huyện Thanh Chương	1,500	500	1,000	Kết thúc 2017
5	Hạ tầng làng nghề hương trầm khối 3 TT Tân Lạc, Quỳnh Châu	UBND thị trấn Tân Lạc	1,000	1,000		Kết thúc 2016
6	Cơ sở hạ tầng làng nghề mây tre đan xuất khẩu Quỳnh Viên xã Quỳnh Thạch huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Thạch	1,500	1,500		Kết thúc 2016
7	Hạ tầng làng nghề chế biến nước mắm khối Hải Giang 1, phường Nghi Hải, thị xã Cửa Lò	UBND thị xã Cửa Lò	1,600	1,600		Kết thúc 2016

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
8	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống mương thoát nước và xây dựng bể xử lý nước thải của Làng nghề chế biến và bảo quản hải sản Phường Nghi Tân, Thị xã Cửa Lò	UBND phường Nghi Tân Thị xã Cửa Lò	1,400	1,400		Kết thúc 2016
9	Hạ tầng các làng nghề TTCN xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu.	UBND xã Diễn Ngọc	1,000	1,000		Kết thúc 2016
10	Hạ tầng làng nghề Thuận Giang xã Quỳnh Hưng, Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Hưng	900	900		Kết thúc 2016
11	Đường giao thông làng nghề mây tre đan Trúc Vong, xã Quỳnh Thanh, Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Thanh	900	900		Kết thúc 2016
12	Cơ sở hạ tầng các làng nghề TTCN xã Thanh Lương, huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Lương	1,000	1,000		Kết thúc 2016
13	Hạ tầng làng nghề hoa, cây cảnh Trung Mỹ, xã Hưng Đông, thành phố Vinh	UBND xã Hưng Đông	1,000	1,000		Kết thúc 2016
14	Hạ tầng làng nghề Bánh, bún Vinh Hoà, xã Hợp Thành, Yên Thành	UBND xã Hợp Thành	900	500	400	Kết thúc 2017
c	Công trình khởi công mới 2016		5,000	3,000	2,000	
1	Đường GT làng nghề bản Đan xã Tiên phong và bản Cỏ Nong xã Mường Nọc, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	5,000	3,000	2,000	Kết thúc 2017
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		2,000			
1	Đường GT làng nghề hoa, cây cảnh Kim Chi, Kim Phúc, xã Nghi Ân, thành phố Vinh	UBND xã Nghi Ân, thành phố Vinh	2,000			
Q	HẠ TẦNG CÁC XÃ BIÊN GIỚI		94,500	18,900	18,900	
a4	Huyện Anh Sơn - 1 xã biên giới		3,500	700	700	
a4	Huyện Con Cuông - 2 xã biên giới		7,000	1,400	1,400	
a4	Huyện Kỳ Sơn - 11 xã biên giới		38,500	7,700	7,700	
a4	Huyện Quế Phong - 4 xã biên giới		14,000	2,800	2,800	
a4	Huyện Thanh Chương - 5 xã biên giới		17,500	3,500	3,500	
a4	Huyện Tương Dương - 4 xã biên giới		14,000	2,800	2,800	
T	ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA		391,814	35,420	45,615	
	Huyện trực tiếp quản lý		113,662	16,000	27,015	
a	Công trình trả nợ		17,967	3,000	4,015	
1	Đường giao thông liên xã Hội Sơn-Hoa Sơn-Tường Sơn, huyện Anh Sơn. (Trong đó KH 2017 thanh toán Đoạn Km0+00 - Km 4+386.39: 1 tỷ)	UBND huyện Anh Sơn	2,515	500	2,015	Kết thúc 2017
2	Đường giao thông nguyên liệu chè công nghiệp từ xã Đức Sơn đi xã Bình Sơn	UBND huyện Anh Sơn	5,652		500	Đổi ứng NSTW, Kết thúc giai đoạn
3	Cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh Nhà máy nước thị xã Thái Hòa lên công suất 4000 m ³ / ngày đêm	UBND thị xã Thái Hoà	1,000	1,000		Kết thúc 2016
4	Đường giao thông Tà Cạ - Hữu Kiệm (SPL V)	UBND huyện Kỳ Sơn	8,800	1,500	1,500	
b	Công trình chuyển tiếp		95,695	13,000	23,000	
1	Đường giao thông từ QL48 đi bản Kê Ninh xã Châu Hạnh và đến xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu (SPL VI)	UBND huyện Quỳnh Châu	1,000	1,000		
2	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Cửa Lò - GD II	UBND thị xã Cửa Lò	5,000	2,000		
3	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Cửa Lò giai đoạn I	UBND thị xã Cửa Lò	28,453		6,000	
4	Khôi phục vùng ngập lũ tỉnh Nghệ An	UBND huyện Nam Đàn	31,242		5,000	Đổi ứng dự án ODA
5	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Thái Hòa	UBND thị xã Thái Hoà	13,000	3,000	2,000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
6	Phát triển đô thị loại vừa tại Việt Nam - Tiểu dự thành phố Vinh	UBND thành phố Vinh	17,000	7,000	10,000	
	Ngành quản lý trên địa bàn		278,152	19,420	18,600	
a	Công trình trả nợ		11,019	2,120	3,300	
1	Đầu tư bổ sung trang thiết bị và cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất Trường CĐ nghề kỹ thuật Việt Đức	Trường CĐ nghề kỹ thuật Việt Đức	120	120		Kết thúc 2016
2	Phát triển nông thôn tổng hợp miền Trung	Sở Nông nghiệp và PTNT	5,000	1,000	800	
3	Nhà làm việc và khoa chuyên môn, thiết bị của các trung tâm y tế huyện: Nam Đàn, Thanh Chương, Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu, Nghĩa Đàn và Quỳnh Châu thuộc dự án Hỗ trợ y tế Bắc Trung Bộ tỉnh Nghệ An	Sở Y tế	4,399		2,000	Kết thúc giai đoạn
5	Dự án khắc phục hậu quả thiên tai 2005	Sở Nông nghiệp và PTNT	1,500	1,000	500	Kết thúc giai đoạn
b	Công trình chuyển tiếp		171,981	16,300	14,300	
1	Dự án Hệ thống cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh và khu công nghiệp Nam Cẩm	Công ty TNHH 1 Thành viên Cấp nước Nghệ An	8,000	3,500	2,000	Thanh toán nợ
2	Xây dựng Công trình: Nâng cấp Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam-Hàn Quốc giai đoạn III	Trường CĐ nghề Kỹ thuật Công nghiệp Việt Nam-Hàn Quốc	20,000	7,000	3,000	
3	Dự án Phát triển Giáo dục THPT giai đoạn 2, tỉnh Nghệ An	Sở Giáo dục và Đào tạo	4,000	2,000		
4	Dự án Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2, tỉnh Nghệ An	Sở Giáo dục và Đào tạo	5,000	2,000		
5	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch tập trung và vệ sinh môi trường liên xã Long Thành, Khánh Thành, Vĩnh Thành và Trung Thành, huyện Yên Thành	Sở Nông nghiệp và PTNT	4,000	1,000	800	
6	Cải tạo, mở rộng Nhà máy nước thị xã Cửa Lò	Công ty cổ phần cấp nước Cửa Lò	800	800		
7	Khôi phục nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An	Sở Nông nghiệp và PTNT	76,000		3,000	
8	Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện vay vốn WB - Nghệ An	Sở Y tế	7,600		2,000	Kết thúc giai đoạn
8.1	<i>Quản lý chất thải y tế bệnh viện Lao và bệnh phổi Nghệ An; Quản lý chất thải y tế bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam</i>	Sở Y tế	1,200		500	Kết thúc giai đoạn
8.2	<i>Đầu tư xây dựng Hệ thống xử lý chất thải các Bệnh viện: BV Hữu nghị đa khoa Nghệ An; BV Đa khoa huyện Diễn Châu; BV Đa khoa huyện Đô Lương; BV Lao và bệnh phổi Nghệ An; BV Đa khoa khu vực Tây Bắc Nghệ An; BV Đa khoa huyện Quỳnh Lưu; BV Đa khoa huyện Thanh Chương; BV Đa khoa huyện Yên Thành</i>	Sở Y tế	6,400		1,500	Kết thúc giai đoạn
9	Hợp phần 4, dự án Quản lý thiên tai (VN-Haz) WB 5: Đầu tư giảm nhẹ rủi ro thiên tai (9 Tiểu dự án)	Sở Nông nghiệp và PTNT	18,581		2,000	
10	Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Nghệ An, gồm 13 Tiểu dự án	Sở Nông nghiệp và PTNT	6,000		1,000	
11	Nâng cấp hệ thống thủy lợi sông Lèn và sông Mơ nhằm nâng cao khả năng kiểm soát mặn, cải thiện môi trường sinh thái và ứng phó với biến đổi khí hậu (KEXIM1)	Sở Nông nghiệp & PTNT	18,000			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
12	Đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải cho các bệnh viện: Bệnh viện đa khoa huyện Tân Kỳ, Bệnh viện đa khoa huyện Đô Lương, bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Lưu và Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Bắc, thuộc dự án tăng cường hệ thống y tế tỉnh Nghệ An sử dụng vốn ODA của CHLB Đức	Sở Y tế	4,000		500	
<i>d</i>	Công trình khởi công mới 2017-2020		93,152			
1	Các dự án ODA đang thỏa thuận chờ quyết định chủ trương của Thủ tướng Chính phủ mới bố trí		78,152			Kết thúc giai đoạn
2	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập, tỉnh Nghệ An (WB8)	Sở Nông nghiệp & PTNT	10,000			
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAM) tỉnh Nghệ An - Hợp phần 1: Khôi phục, cải tạo đường địa phương	Sở Giao thông vận tải	5,000			
<i>e</i>	Công trình bố trí vốn chuẩn bị đầu tư		2,000	1,000	1,000	
1	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị (Hợp phần Tỉnh Nghệ An)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2,000	1,000	1,000	
U	Đối ứng Ngân sách địa phương cho các dự án sử dụng nguồn chương trình Chính phủ chuyển về (bố trí sau khi được Thủ tướng Chính phủ giao) để hoàn thành dự án theo đúng quy định		20,240			
V	HẠ TẦNG CHỢ NÔNG THÔN		6,850	4,325	2,525	
	Huyện trực tiếp quản lý		6,850	4,325	2,525	
<i>b</i>	Công trình chuyển tiếp		6,850	4,325	2,525	
1	Chợ trung tâm xã Đức Sơn	UBND xã Đức Sơn	1,200		1,200	Kết thúc 2017
2	Xây dựng chợ nông thôn xã Tam Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Tam Sơn	475	475		Kết thúc 2016
3	Chợ Lục Dạ, huyện Con Cuông	UBND xã Lục Dạ	600	600		Kết thúc 2016
4	Xây dựng chợ nông thôn xã Nghĩa Lâm Huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Lâm	525	525		Kết thúc 2016
5	Xây dựng chợ nông thôn xã Châu Tiến huyện Quỳnh Châu	UBND xã Châu Tiến	375	375		Kết thúc 2016
6	Xây dựng chợ nông thôn xã Châu Lý huyện Quỳnh Hợp	UBND xã Châu Lý	2,000	1,175	825	Kết thúc 2017
7	Chợ Cầu Đất, xã Thành Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Thành Sơn	500		500	Kết thúc 2017
8	Xây dựng chợ nông thôn xã Đồng Văn, huyện Quế Phong	UBND xã Đồng Văn	1,175	1,175		Kết thúc 2016
X	TRỤ SỞ XÃ		68,937	21,287	18,767	
	Huyện trực tiếp quản lý		68,937	21,287	18,767	
<i>a</i>	Công trình trả nợ		3,427	3,427		
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HDND -UBND và các đoàn thể xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn	UBND xã Bắc Lý	1,597	1,597		Kết thúc 2016
2	Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND và các đoàn thể xã Hồng Long, huyện Nam Đàn	UBND xã Hồng Long	700	700		Kết thúc 2016
3	Trụ sở Đảng ủy, HDND-UBND xã Nam Hưng, huyện Nam Đàn	UBND xã Nam Hưng	430	430		Kết thúc 2016
4	Trụ sở làm việc Đảng ủy -HDND-UBND xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Kiều	200	200		Kết thúc 2016
5	Trụ sở làm việc UBND xã Quỳnh Mỹ	UBND xã Quỳnh Mỹ	500	500		Kết thúc 2016

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
b	Công trình chuyển tiếp		29,160	16,360	8,500	
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Diển Hoa, huyện Diển Châu	UBND xã Diển Hoa	1,000	600	400	Kết thúc 2017
2	Trụ sở làm việc UBND xã Diển Xuân, huyện Diển Châu	UBND xã Diển Xuân	1,000	500	500	Kết thúc 2017
3	Trụ sở UBND xã Diển Nguyên, huyện Diển Châu	UBND xã Diển Nguyên	1,500	800	700	Kết thúc 2017
4	Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND- UBND xã Hưng Xuân- Hưng Nguyên	UBND xã Hưng Xuân	2,200	1,000	1,200	Kết thúc 2017
5	Trụ sở làm việc Đảng ủy HDND-UBND và các đoàn thể xã Hưng Phú, Hưng Nguyên	UBND xã Hưng Phú	1,250	1,250		Kết thúc 2016
6	Trụ sở UBND xã Nghĩa Thọ, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	1,210	1,000	210	Kết thúc 2017
7	Trụ sở UBND xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	3,000	1,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
8	Trụ sở làm việc HDND-UBND xã Yên Hợp, Quỳnh Hợp	UBND xã Yên Hợp	500	500		Kết thúc 2016
9	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HDND-UBND và Hội trường kiêm nhà văn hóa xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Long	3,500	700	1,000	Kết thúc giai đoạn
10	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Quế Sơn, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	1,000	1,000		Kết thúc 2016
11	Trụ sở UBND xã Tam Thái, Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	2,000	1,500	500	Kết thúc 2017
12	Trụ sở làm việc UBND xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ	UBND xã Nghĩa Phúc	1,500	510	990	Kết thúc 2017
13	Trụ sở làm việc UBND xã Giai Xuân, Tân Kỳ	UBND xã Giai Xuân	1,000	1,000		Kết thúc 2016
14	Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND- UBND xã Tân Xuân, huyện Tân Kỳ	UBND xã Tân Xuân, huyện Tân Kỳ	1,000		500	
15	Trụ sở làm việc UBND xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Bình Sơn	500	500		Kết thúc 2016
16	Trụ sở UBND xã Mậu Đức, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	1,500	1,500		Kết thúc 2016
17	Nhà làm việc 3 tầng Đảng ủy - HDND-UBND xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương	UBND xã Ngọc Sơn	4,000	2,000	1,000	Kết thúc giai đoạn
19	Trụ sở UBND xã Thanh Yên, huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Yên	1,500	1,000	500	Kết thúc 2017
c	Công trình khởi công mới 2016		4,400	1,500	2,500	
1	Trụ sở UBND xã Bảo Thắng, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	4,400	1,500	2,500	Kết thúc giai đoạn
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		31,950		7,767	
1	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Thạch Sơn, huyện Anh Sơn	UBND xã Thạch Sơn	3,000			
2	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HDND- UBND xã Cẩm Muộn	UBND huyện Quế Phong	3,000			Kết thúc giai đoạn
3	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Bảo Nam, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	4,800		3,000	Kết thúc giai đoạn
4	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	2,500			
5	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Hữu Lập, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	2,500			
6	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Tây Sơn, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	2,500			
7	Trụ sở UBND xã Bài Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	3,000		1,000	
8	Trụ sở UBND xã Nhân Sơn, huyện Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	3,000			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Trong đó		Ghi chú
				KH 2016	KH 2017	
9	Trụ sở làm việc Đảng ủy HĐND-UBND xã Nam Tân, huyện Nam Đàn	UBND xã Nam Tân	3,150		1,767	Kết thúc giai đoạn
10	Trụ sở Đảng ủy, HDND-UBND xã Hưng Yên Nam	UBND xã Hưng Yên Nam	2,000		2,000	
11	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND xã Huồi Tụ	UBND huyện Kỳ Sơn	2,500			
Y	TRẠM Y TẾ XÃ		32,975	18,290	4,925	
	Huyện trực tiếp quản lý		32,975	18,290	4,925	
a	Công trình trả nợ		2,885		925	
1	Nhà điều trị bệnh nhân Trạm y tế xã Châu Thái, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	1,000			Kết thúc giai đoạn
2	Nhà điều trị bệnh nhân Trạm y tế xã Châu Hồng, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	960			Kết thúc giai đoạn
3	Trạm y tế xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã An Hòa	925		925	Kết thúc 2017
b	Công trình chuyển tiếp		24,190	18,290	4,000	
1	Trạm y tế xã Mỹ Sơn	UBND xã Mỹ Sơn	2,000	1,000	1,000	Kết thúc 2017
2	Trạm y tế phường Quang Tiến	UBND phường Quang Tiến	2,000		1,000	Kết thúc giai đoạn
3	Trạm Y tế xã Nghĩa Đức, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	620	620		Kết thúc 2016
4	Trạm y tế xã Nghĩa Thọ, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	2,400		1,500	Kết thúc giai đoạn
5	Xây dựng trạm y tế xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc	UBND xã Nghi Trung	975	975		Kết thúc 2016
6	Trạm y tế xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	1,100	1,100		Kết thúc 2016
7	Trạm y tế xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu	UBND huyện Quỳnh Châu	1,700	1,700		Kết thúc 2016
8	Trạm y tế xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Châu	1,275	1,275		Kết thúc 2016
9	Trạm y tế xã Thanh Tiên, huyện Thanh Chương	UBND xã Thanh Tiên	1,270	1,270		Kết thúc 2016
10	Trạm y tế phường Hòa Hiếu, thị xã Thái Hòa	UBND phường Hòa Hiếu	1,100	1,100		Kết thúc 2016
11	Trạm y tế Mậu Đức, huyện Con Cuông	UBND xã Mậu Đức	1,100	1,100		Kết thúc 2016
12	Trạm y tế xã Giang Sơn Tây, huyện Đô Lương	UBND xã Giang Sơn Tây	1,275	775	500	Kết thúc 2017
13	Trạm y tế xã Thái Sơn - Đô Lương	UBND huyện Đô Lương	975	975		Kết thúc 2016
14	Trạm y tế xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên	UBND xã Hưng Đạo	975	975		Kết thúc 2016
15	Trạm Y tế xã Nghĩa Bình	UBND huyện Nghĩa Đàn	1,275	1,275		Kết thúc 2016
16	Trạm y tế xã Công Thành - Yên Thành	UBND xã Công Thành	975	975		Kết thúc 2016
17	Trạm y tế xã Sơn Thành - Yên Thành	UBND xã Sơn Thành	1,275	1,275		Kết thúc 2016
18	Nhà điều trị - Trạm y tế xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	1,900	1,900		Kết thúc 2016
d	Công trình khởi công mới 2017-2020		5,900			
1	Trạm Y tế Lĩnh Sơn	UBND xã Lĩnh Sơn	3,500			Kết thúc giai đoạn
2	Trạm y tế xã Thuận Sơn, Đô Lương	UBND xã Thuận Sơn	2,400			Kết thúc giai đoạn